

2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

MỤC LỤC

Thông tin chung

Tổng quan Công ty
Quá trình hình thành và phát triển
Những thành tựu đạt được
Lĩnh vực và địa bàn hoạt động
Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
Các rủi ro

Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình sản xuất kinh doanh
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Tình hình nhân sự

Báo cáo của Ban Giám đốc điều hành

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD điều hành
Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Quản trị Công ty

Hội đồng Quản trị
Ban Kiểm soát
Cơ cấu cổ đông
Giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, BKS và BGDĐH
Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Báo cáo tài chính kiểm toán

Ý kiến của kiểm toán
Báo cáo tài chính

THƯ NGỎ



Một năm đầy cam go nữa lại qua đi, thay mặt Ban lãnh đạo Công ty ALTA tôi xin chân thành gửi tới quý cổ đông, quý nhà đầu tư, quý khách hàng cùng toàn thể công nhân viên chức lời cảm ơn hợp tác chân thành trong suốt những năm qua; Xin cảm ơn quý cổ đông, quý nhà đầu tư đã đồng hành cùng ALTA trong cả những lúc khó khăn nhất; Xin cảm ơn quý khách hàng suốt 25 năm qua đã tin cậy và chung thủy với sản phẩm ALTA, Cảm ơn toàn thể công nhân viên chức đã toàn tâm toàn sức xây dựng công ty, trải qua biết bao thăng trầm vẫn gắn bó vì mục tiêu phát triển ALTA;

Chịu chung hoàn cảnh với nền kinh tế nước ta: sản xuất kinh doanh chịu áp lực từ những bất ổn về kinh tế và chính trị của thị trường thế giới, cùng với những khó khăn từ những năm trước chưa được giải quyết triệt để như áp lực về khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm; năng lực quản lý và cạnh tranh của doanh nghiệp thấp... Trong 3 năm qua Công ty Alta thực sự cũng rơi vào giai đoạn suy thoái, Vì thế chúng ta đã phải nhanh chóng điều chỉnh mục tiêu kế hoạch trung hạn (2011-2015) chuyển từ tăng tốc phát triển sang an toàn phát triển nhằm phòng tránh rủi ro... Công ty bảo toàn được vốn và vẫn vững vàng, tuy nhiên Công ty lại rơi vào tình trạng thiếu dụng, chưa thực hiện được mục tiêu lợi nhuận theo kế hoạch mong đợi;

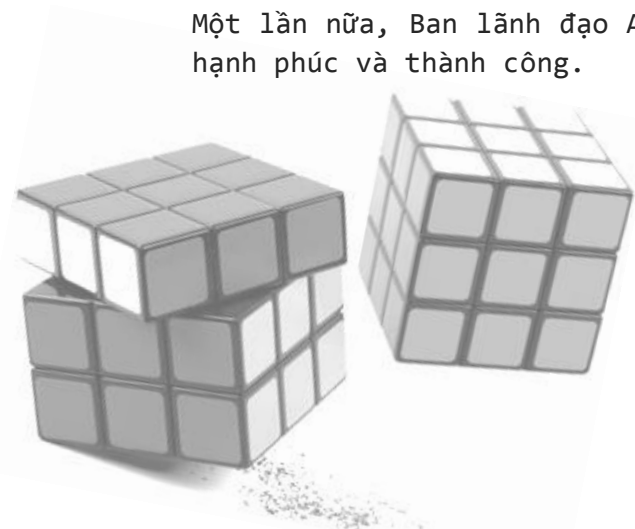
Đứng trước vào tình thế này có cả nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan, nhưng Ban lãnh đạo Alta đã nghiêm khắc nhìn nhận những yếu kém trong giai đoạn này, rút kinh nghiệm và quyết tâm sửa chữa, tích cực tìm mọi giải pháp để tiếp tục phát triển bền vững theo định hướng chiến lược 2015-2025.

Bước vào chặng đường hòa nhập toàn diện của cộng đồng kinh tế Asean kể từ năm 2015 này với những cơ hội và thách thức cạnh tranh khốc liệt, Chúng tôi cam kết sẽ tận dụng tất cả mọi nguồn nội lực và ý chí quyết tâm vượt lên từ gian khó, Chúng tôi thiết tha mong các nhà đầu tư và cổ đông cảm thông và chia sẻ cùng Alta cho qua giai đoạn cam go này; Chúng tôi xin khẳng định rằng thành công sẽ đến từ nỗ lực và Alta sẽ tự tin bước vào thời kỳ phát triển mới, giữ trọn niềm tin với cổ đông mặc dù diễn biến chung của nền kinh tế Việt Nam năm 2015 có thể nhận thấy dấu hiệu phục hồi, khởi sắc nhưng vẫn còn đó nhiều khó khăn và trở ngại.

Một lần nữa, Ban lãnh đạo Alta xin kính gửi đến Quý vị lời chúc bình an, hạnh phúc và thành công.

Chủ tịch HĐQT

Hoàng Văn Điều



The background features a light gray field with faint, overlapping puzzle piece outlines. Overlaid on this are several thick, expressive red brushstrokes that sweep across the page from the top left towards the bottom right. The text 'THÔNG TIN' is positioned on the right side, set against a solid dark gray rectangular area.

THÔNG TIN

A large puzzle piece graphic is centered on the page. The puzzle piece is dark grey and has a 3D effect with a shadow. The background is a mix of red and white, with a brushstroke-like texture. The word 'CHUNG' is written in white, bold, uppercase letters on the left side of the puzzle piece.

CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Tên tiếng Anh

ALTA COMPANY

Giấy chứng số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 03 tháng 12 năm 2014

Vốn điều lệ

58.480.640.000 đồng

Vốn đầu tư chủ sở hữu

197.627.114.572 đồng

Địa chỉ trụ sở chính

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại

084-8-38162884

Số fax

084-8-38162887

Email

alta@alta.com.vn

Website

www.alta.com.vn

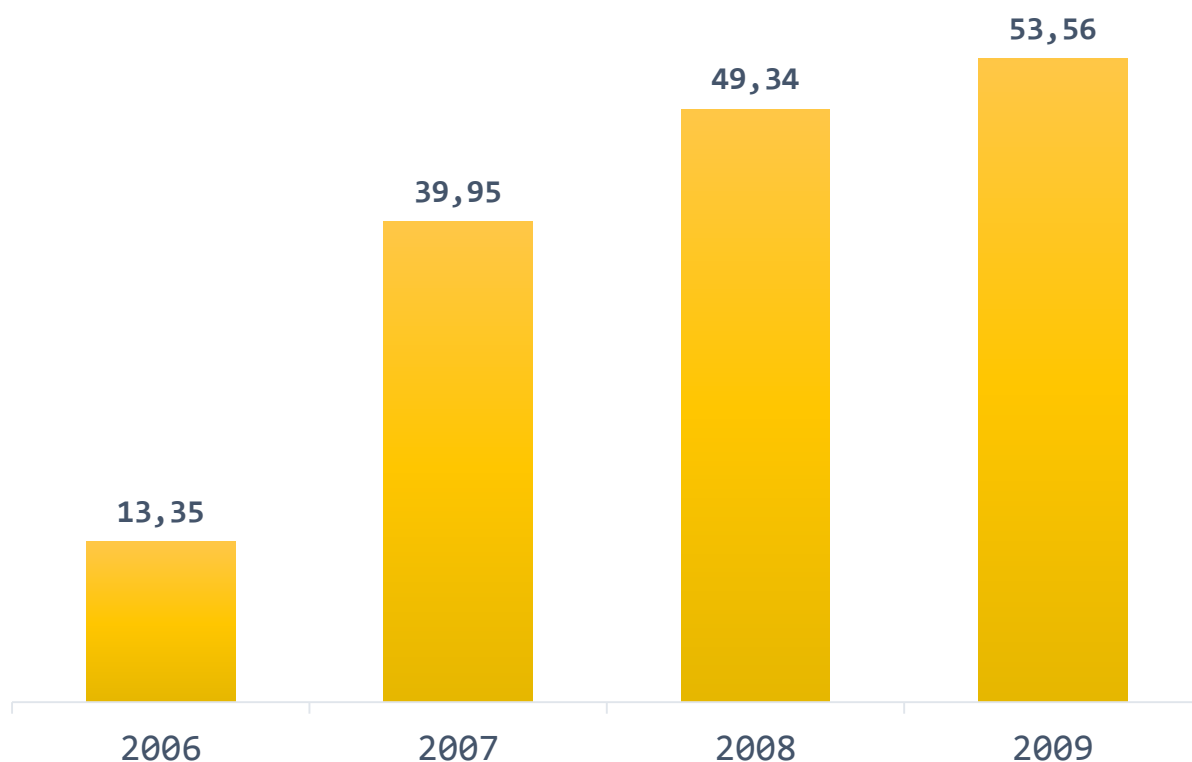


Thành tựu và đóng góp năm 2014

Thành tích	Nơi cấp
Đã có thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ môi trường đạt giải thưởng Môi trường Tp.HCM năm 2014	Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tp.HCM
Đạt danh hiệu "Doanh hiệu khu công nghiệp Tp.HCM tiêu biểu năm 2014"	Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Tp.HCM



Quá trình tăng vốn (tỷ đồng)



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Đầu tư Dự án Sản xuất in trên hệ thống in offset 05 màu, vốn đầu tư 11 tỷ đồng (năm trong vốn đầu tư Nhà máy ALTA), nâng công suất in tối đa của Công ty từ 06 tỷ trang in lên 09 tỷ trang in/năm, tăng thêm 10 lao động.

Xây dựng Dự án di dời và đầu tư mới Nhà máy ALTA đặt tại KCN Tân Bình, tổng vốn đầu tư 80 tỷ đồng, trong đó xây dựng nhà xưởng và thuê đất 20 tỷ đồng, tăng thêm 200 lao động

Đầu tư Dự án Sản xuất hạt màu chủ, mặt hàng nguyên liệu lần đầu tiên được sản xuất tại Việt nam, xuất khẩu và bán nội địa (thay thế hàng ngoại nhập), với vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng, công suất 1.200 tấn/năm, tăng thêm 30 lao động.

Đầu tư Dự án Sản xuất bao bì xuất khẩu, vốn đầu tư 12 tỷ đồng, công suất 2.400 tấn/năm, tăng thêm 120 lao động. Đầu tư Hệ thống chế bản tách màu điện tử, vốn đầu tư 03 tỷ đồng, công suất 50 triệu cm² phim/ năm, tăng thêm 20 lao động.

ALTA là Doanh nghiệp đầu tiên của ngành Văn hóa Việt Nam thực hiện cổ phần hóa và được chuyển đổi thành CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH. Giấy chứng nhận ĐKKD số 064111 do Sở KH & ĐT Tp.HCM cấp ngày 31/08/1998 với vốn điều lệ ban đầu là 13.347.000.000 đồng.

Năm 1992 Công ty được đổi tên là Công Ty Văn Hóa và Dịch vụ Tổng Hợp Tân Bình. Hoạt động theo cơ cấu "Sản xuất - thương mại - dịch vụ".

Tiền thân của Công ty ALTA là Công Ty Văn Hóa Tổng Hợp Tân Bình - một doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập từ năm 1989. Hoạt động theo cơ cấu "Dịch vụ - Thương mại - Sản xuất" chủ yếu trong lĩnh vực văn hóa tại thị trường nội địa.



Thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2014, Công ty đã hoàn thành tăng vốn điều lệ bằng phương thức tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Kết thúc đợt phát hành, công ty đã tăng thêm 4.918.520.000 tỷ đồng, tương đương với số vốn điều lệ là 58.480.640.000 đồng.

Khai trương 02 khu vực giải trí Laser Zone tại 02 địa điểm vui chơi giải trí Suối Tiên và Siêu thị Maximark 3T2. Khánh thành tòa nhà văn phòng cho thuê 284-286 Hoàng văn Thụ. Khai trương Trung tâm mua sắm Outlet Unique tại tòa nhà Alta Plaza trước đây với mô hình mua sắm hàng hiệu giá rẻ- lần đầu tiên có tại Việt Nam với qui mô lớn.

Thành lập công ty liên doanh Đan-Việt giữa công ty ALTA và công ty FORMULA sản xuất thể thông minh (theo chương trình tài trợ Kết nối doanh nghiệp B2B giữa hai chính phủ Việt Nam và Đan Mạch). Tháng 12/2009 ALTA đã hoàn tất việc trả cổ tức đợt 1 năm 2009 bằng việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100 :9 và tăng Vốn điều lệ từ 49.339.050.000 đồng lên 53.562.130 đồng.

Trong dịp này, ALTA cũng đưa vào hoạt động Rạp chiếu phim đa chiều cảm giác mạnh 3D TurboRide và khu công nghệ thể thao điện tử Laser Game – lần đầu tiên có tại Việt nam. Tháng 12/2008 ALTA đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 4:1 để tăng Vốn điều lệ từ 39.951.250.000 đồng lên 49.339.050.000 đồng.

Ngày 02/02 2008, ALTA Khánh thành và Khai trương Rạp ALTA 4D - MAX SUỐI TIÊN tại Khu Du Lịch Văn hóa Suối Tiên theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Du lịch Văn Hóa Suối Tiên. Nhân dịp kỷ niệm 10 năm cổ phần hóa (1998-2008) ALTA Khánh thành và Khai trương Trung tâm thương mại & giải trí ALTA PLAZA ngày 26/7/2008 tại 91 B2, Đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Q.Tân Bình, TP.HCM với tổng diện tích sử dụng hơn 7.000 m2.

Đầu tư dự án Xây dựng trung tâm văn hóa thương mại Lạc hồng, vốn đầu tư 40 tỷ tại địa điểm 91B Phạm Văn Hai, Quận Tân Bình. "Ngày 22/11/2006, Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là DN đầu tiên thuộc ngành in ấn và bao bì xuất khẩu niêm yết cổ phiếu. Với Vốn điều lệ 13.347 tỷ đồng, ALTA chưa phải là DN mạnh về tài chính trong lĩnh vực nhiều cạnh tranh này, nhưng lại nổi tiếng là DN luôn tiên phong, cả về công nghệ lẫn sản phẩm." (Trích đăng Báo Đầu tư chứng khoán số 47, ngày 20/11/2006).

Đầu tư Dự án Sản xuất nguyên liệu ngành nhựa (hạt CaCO₃), mặt hàng nguyên liệu lần đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam, xuất khẩu và bán nội địa (thay thế hàng ngoại nhập), vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng, công suất 1.200 tấn/năm, tăng thêm 20 lao động.

2014

2010

2009

2008


2008

2006

2004



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



Ngành in: thực hiện các công đoạn từ trước in, in ấn và sau in đối với xuất bản phẩm và các loại ấn phẩm gồm: sách, báo, tạp chí, nhãn hàng, bao bì hàng hóa, brochure quảng cáo, tờ bướm, poster .v.v...

Ngành nhựa: sản xuất xuất khẩu các loại bao bì nhựa PE, các sản phẩm thân thiện môi trường như: bao bì nhựa tự phân hủy và các loại hợp chất nhựa như: hạt màu chủ (masterbatches), hạt nhựa CaCO₃.

Các hoạt động khác: sản xuất khăn giấy cao cấp, cho thuê mặt bằng, xây dựng công nghiệp .v.v...

Ngành dịch vụ văn hoá và giải trí: sản xuất và phát hành chương trình âm nhạc gồm các thể loại: thơ, ca, cổ nhạc, hòa tấu.v.v... dành cho mọi lứa tuổi; Quảng cáo đa phương tiện, các loại dịch vụ giải trí và chiếu phim đa chiều, công nghệ thể thao điện tử...

Địa bàn kinh doanh

Trong nước: TP. HCM và các tỉnh thành trong cả nước.

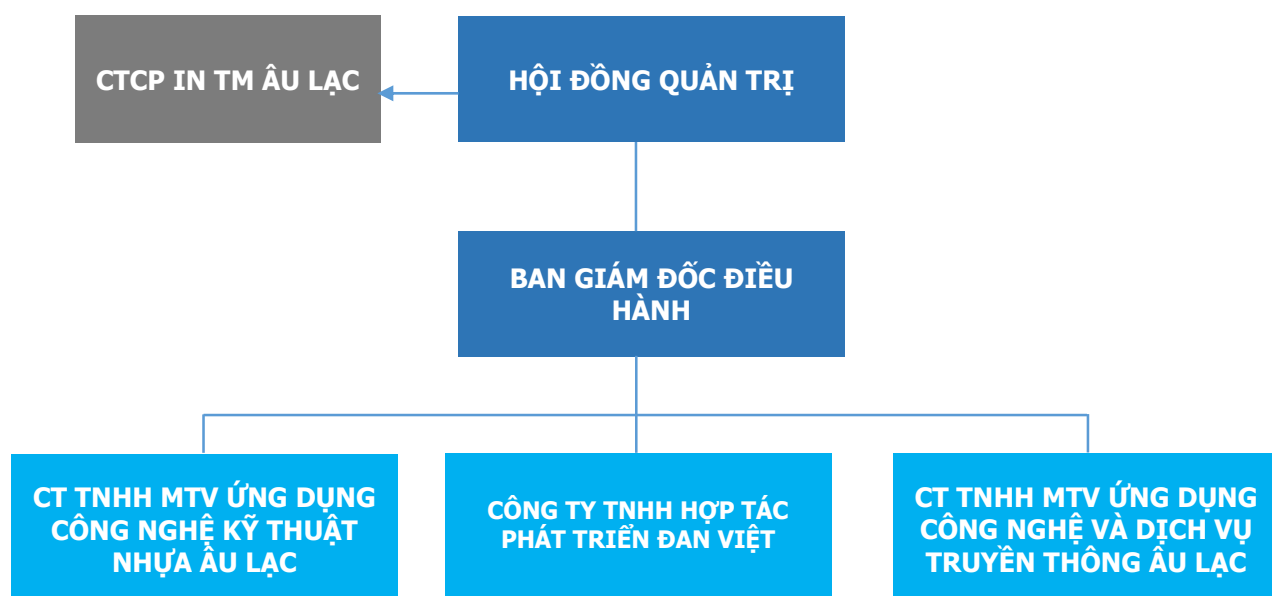
Ngoài nước: xuất khẩu đi các nước thuộc Châu Âu, Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ.

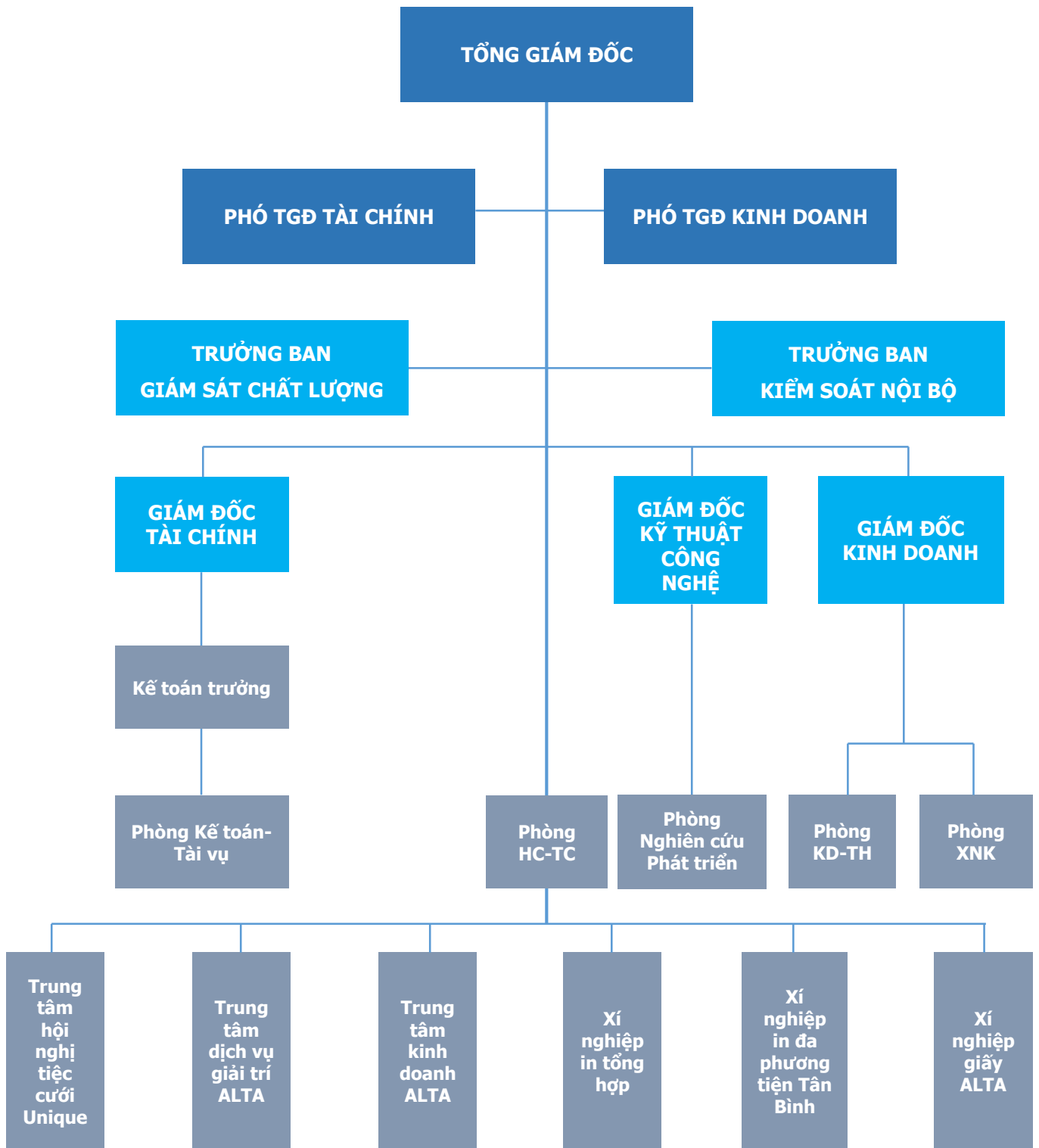
Trong đó, địa bàn hoạt động thường xuyên và mang lại doanh thu lớn trong 2 năm gần đây của công ty là TP. HCM và Châu Âu.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

ALTA là công ty cổ phần hoạt động quản trị theo mô hình công ty mẹ – con. Về mặt tổ chức cả công ty mẹ và các công ty con đều theo hình thức quản trị 3 cấp: cấp công ty – cấp bộ phận và cấp chức năng. Riêng với các công ty liên quan và liên kết, Công ty ALTA là cổ đông góp vốn và tham gia trong Hội đồng quản trị của các công ty này





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Hội đồng Quản trị

Ông HOÀNG VĂN ĐIỀU - Chủ tịch HĐQT

Năm sinh	1953
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, Cử nhân chính trị
Tóm tắt quá trình công tác	Đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty từ năm 1989. Từ ngày 30/06/2014, Ông Điều không còn kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty. Hiện nay, Ông Hoàng Văn Điều là Chủ tịch HĐQT của ALTA.
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	546.095 cổ phần chiếm tỷ lệ 9,34% SLCP có quyền biểu quyết

Bà LẠI THỊ HỒNG DIỆP – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	1961
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán, Cử nhân Quản trị kinh doanh
Tóm tắt quá trình công tác	Bà Diệp làm việc tại công ty ALTA từ năm 1989 đến nay với các chức vụ Kế toán trưởng từ năm 1989, Giám đốc Tài chính từ năm 2001, Giám đốc Điều hành từ năm 2006, Phó Tổng Giám đốc từ năm 2011. Hiện Bà Diệp là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty ALTA
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	335.720 cổ phần chiếm tỷ lệ 5,74% SLCP có quyền biểu quyết Đại diện vốn nhà nước : 230.000 cổ phần



Ông LA THẾ NHÂN - Thành viên HĐQT

Năm sinh	1961
Trình độ chuyên môn	Bác sĩ Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh
Tóm tắt quá trình công tác	Hiện là Giám đốc CTCP In – Thương mại – Quảng cáo Âu Lạc (ALTA Printing) đồng thời là Thành viên HĐQT của ALTA
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	278.821 cổ phần chiếm tỷ lệ 4,74% SLCP có quyền biểu quyết

Ông TRẦN QUÍ TÀI - Thành viên HĐQT

Năm sinh	1961
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Hóa tốt nghiệp tại Canada
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	2.229 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,04% SLCP có quyền biểu quyết

Ông HOÀNG MINH ANH TÚ - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh	1980
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Công nghệ thông tin tốt nghiệp tại Canada
Quá trình công tác	Năm 2008, Ông Tú là Giám đốc Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc (ALTA Media), được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc của ALTA từ 01/07/2014.
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	26.977 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,50% SLCP có quyền biểu quyết

Ban Kiểm soát

Bà THÁI THỊ PHƯỢNG- Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh	1965
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	Bà Phượng đã làm việc tại ALTA từ năm 1993 đến nay, hiện là Giám đốc tiếp thị của Công ty.
Số cổ phần sở hữu	20.710 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,39% SLCP có quyền biểu quyết

Bà QUÁCH THỊ MAI TRANG - Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	1960
Trình độ chuyên môn	Trung cấp Kinh tế - Kế hoạch
Quá trình công tác	Hiện nay là Trưởng ban kiểm soát nội bộ của Công ty.
Số cổ phần sở hữu	2.660 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,05% SLCP có quyền biểu quyết

Ông LÊ QUỐC THẮNG - Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	1962
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật
Quá trình công tác	Giám đốc Trung tâm Băng đĩa nhạc Trùng Dương (nay đã giải thể) Giám đốc Trung tâm nghệ thuật Sao Mai
Số cổ phần sở hữu	68 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,00% SLCP có quyền biểu quyết



Ban Giám đốc điều hành

Ông Hoàng Minh Anh Tú - Tổng giám đốc điều hành

Xem phần Sơ yếu lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị

Bà Lại Thị Hồng Diệp - Phó Tổng giám đốc điều hành

Xem phần Sơ yếu lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị

Ông HOÀNG MINH ANH TÀI - Phó Tổng giám đốc kinh doanh

Năm sinh 1982

Trình độ chuyên môn Cử nhân Quản trị kinh doanh tốt nghiệp tại Canada

Tóm tắt quá trình công tác Hiện là Phó Tổng giám đốc của ALTA kiêm Phó Giám đốc công ty Alta Media từ năm 2008

Số cổ phiếu nắm giữ 0 cổ phần

Thay đổi nhân sự trong HĐQT, BGĐĐH, BKS

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành	01/07/2014	-
Hoàng Văn Điều	Tổng Giám đốc điều hành	-	30/06/2014
Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc điều hành	01/07/2014	-

CÁC RỦI RO

Rủi ro tỷ giá

Với địa bàn hoạt động cả trong và ngoài nước, yếu tố tỷ giá ngoại tệ có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong những năm gần đây, thị trường ngoại tệ trong nước không có nhiều biến động lớn, tỷ giá trong năm 2014 được tiếp tục quản lý trong biên độ từ 1-2% như cam kết của Ngân hàng Nhà nước đưa ra nhờ đó mà rủi ro này được hạn chế. Ban điều hành Công ty cũng luôn theo dõi diễn biến của tình hình thị trường ngoại tệ trong và nước để có biện pháp phòng ngừa rủi ro kịp thời.

Rủi ro lãi suất

Sự biến động của lãi suất sẽ tác động đến chi phí tài chính Công ty phải trả cho các khoản phải trả cũng như các lợi nhuận nhận được từ tiền gửi ngân hàng, cho vay hoặc các công cụ tài chính khác. Hiện nay các khoản nợ tín dụng của công ty chiếm tỷ trọng khá nhỏ trong cơ cấu tài sản, do đó rủi ro này chưa tác động đáng kể đến hoạt động của công ty.

Đối với các khoản đầu tư tài chính của Công ty, xét về phương diện vĩ mô, sự thay đổi của lãi suất sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của các tổ chức mà công ty đầu tư, từ đó ảnh hưởng đến giá trị trường của các khoản đầu tư.

Công ty luôn theo sát diễn biến kinh tế vĩ mô, động thái điều hành lãi suất, tình hình hoạt động của các tổ chức tín dụng, từ đó đưa ra các dự báo và có các quyết định kịp thời.





Rủi ro pháp luật

Hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật kế toán, kiểm toán;.. Ngoài ra, Công ty đã niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM từ năm 2006 và chuyển niêm yết sang sở giao dịch Hà Nội từ năm 2009 do đó Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan cũng tác động đến Công ty.

Để đáp ứng sự thay đổi của nền kinh tế mở cửa, hội nhập, trong thời gian tới các quy định của Pháp luật sẽ còn nhiều điều chỉnh để đáp ứng kịp thời các quan hệ kinh tế phát sinh. Tháng 7/2015 Luật doanh nghiệp 2015 sẽ chính thức có hiệu lực và dự kiến kèm theo đó là những thay đổi từ các văn bản pháp luật có liên quan để đồng bộ hóa việc thực hiện quy định. Như vậy, không chỉ riêng Công ty mà các doanh nghiệp khác cũng chịu tác động từ yếu tố Pháp luật. Với rủi ro mang tính hệ thống này, Công ty đã có các biện pháp quản trị như: liên tục cập nhật các văn bản pháp luật, mỗi bộ phận có trách nhiệm nghiên cứu quy định liên quan đến lĩnh vực của mình và báo cáo cho Ban điều hành về sự thay đổi ngay khi có thông tin; sử dụng dịch vụ tư vấn phù hợp.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác do thiên tai, hỏa hoạn ... có xác suất xảy ra thấp nhưng có thể gây thiệt hại lớn về cơ sở vật chất và con người, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

ALTA với tầm nhìn đến năm 2015 là: “Trở thành một doanh nghiệp phát triển bền vững”, trong đó mục tiêu của công ty là không ngừng nâng cao giá trị của sản phẩm và dịch vụ; Thực thi triết lý kinh doanh “Thân thiện, uy tín, Chuyên nghiệp, Sáng tạo” làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động của công ty; đồng thời xây dựng hệ thống giá trị cốt lõi trên cơ sở niềm tin là động lực chủ yếu thúc đẩy mọi thành viên làm việc, liên kết nội bộ chặt chẽ, liên kết với khách hàng, đối tác và xã hội nói chung.

Chuỗi hành động hướng tới mục tiêu của ALTA chính là:

- + Khuyến khích và đòi hỏi sáng tạo: để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, bảo đảm uy tín và chất lượng sản phẩm và đây luôn là tôn chỉ hành động của Công ty.
- + Luôn luôn quan tâm xây dựng và phát triển thương hiệu ALTA.
- + Thành công cùng đối tác: Trong suốt quá trình hoạt động, ALTA luôn quan tâm đến việc xây dựng các mối quan hệ đối tác bền vững dựa trên sự tin cậy và lợi ích hài hòa.
- + Lấy hiệu quả làm nền tảng: ALTA luôn lấy hiệu quả làm nền tảng trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình để từ đó giúp công ty đạt được lợi thế cạnh tranh và góp phần xây dựng cộng đồng.
- + Sẵn sàng thay đổi để sửa chữa, thích nghi và phát triển.





Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty luôn ý thức trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường, xã hội là một phần không thể thiếu. Vì vậy, Công ty đã đặt ra một số tiêu chí sau trong quá trình hoạt động của mình:

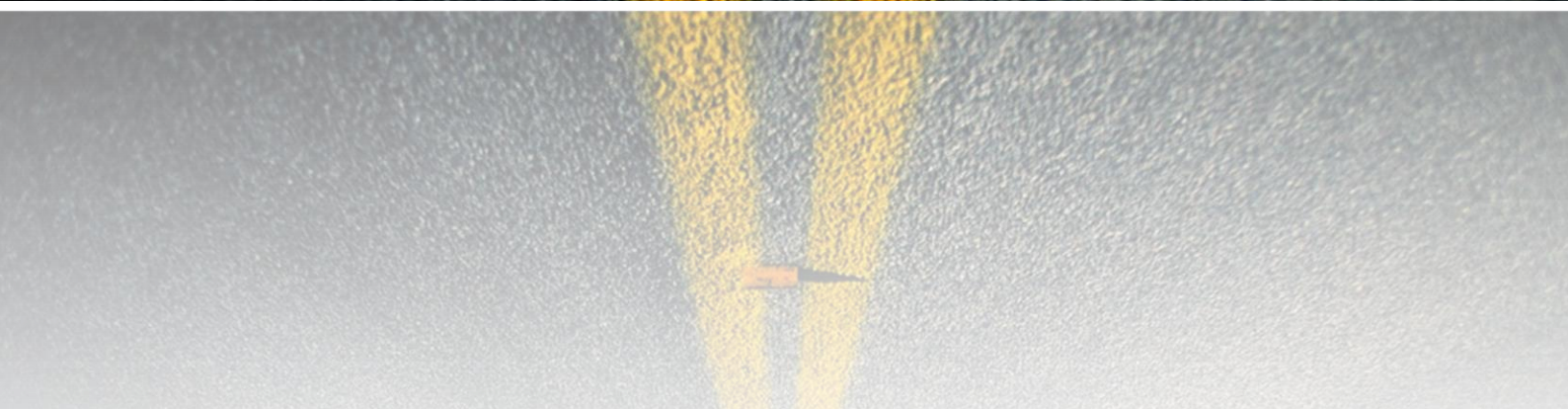
Tôn trọng và tuân thủ quy định pháp luật;

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường; áp dụng các công nghệ tiên tiến trong sản xuất nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực trong quá trình sản xuất đối với môi trường. Các yếu tố cơ bản như điện, nước, giấy, nhiên liệu... được tiết kiệm tối đa.

Cùng xây dựng một cộng đồng vững mạnh, san sẻ khó khăn với các hoàn cảnh đặc biệt trong địa bàn hoạt động của mình.


Một số hoạt động về môi trường, xã hội của công ty trong năm qua:


- + Tham gia chương trình giảm sử dụng túi ni lông do Sở Tài nguyên Môi trường tổ chức;
- + Tham gia ngày Hội túi xanh do UBND quận 5 và Sở Tài nguyên Môi trường tổ chức ngày 28/9/2014;
- + Ủng hộ vì trường Sa thân yêu - Vì Tuyến đầu Tổ Quốc;
- + Chăm sóc, giúp đỡ cho 01 thương binh nặng;
- + Ủng hộ công tác chăm sóc Tết cho người nghèo tại các Phường có địa điểm SXKD của công ty.





Chiến lược phát triển trung và dài hạn


Để có thể đạt được mục tiêu trên, ALTA đã bắt đầu hành động bằng những chiến lược ngắn hạn và dài hạn; trong giai đoạn 2015-2025:


 Tập trung ứng phó vượt qua tình hình suy thoái kinh tế và mãi lực thị trường giảm mạnh hiện nay trong năm 2015; duy trì ổn định công ty; chuẩn bị các điều kiện nguồn để thị trường phục hồi, dự đoán từ năm 2016 trở đi.


 Đảm bảo tốc độ tăng trưởng của Công ty theo kế hoạch hàng năm của Đại hội đồng cổ đông.


 Tiếp tục khẳng định vai trò là nhà đầu tư tiên phong tạo ra các sản phẩm xanh, thân thiện môi trường; nghiên cứu phát triển và ứng dụng các loại sản phẩm công nghệ thông tin.

 Xây dựng công ty phát triển toàn diện, trên cơ sở lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các loại sản phẩm bao bì nhựa, in ấn thương mại và sản phẩm công nghệ.

 Từng bước chuyển dịch cơ cấu doanh thu, tạo nguồn thu ổn định thường xuyên từ sản xuất kinh doanh chủ lực và các dịch vụ khác.

 Nâng cao trình độ chuyên nghiệp quản lý tài chính, quản lý kinh doanh và chất lượng phục vụ thông qua xây dựng và phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp.

 Vững mạnh về tổ chức, phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

 Công ty chọn lựa chiến lược tăng trưởng tập trung và phát triển bền vững, Chiến lược này đặt trọng tâm vào việc cải tạo, đầu tư chiều sâu nâng cao các chất lượng sản phẩm, Tích cực thay đổi áp dụng các phương thức kinh doanh hiện đại phù hợp cho từng loại sản phẩm, mở mang và phát triển thị trường nội địa và xuất khẩu.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

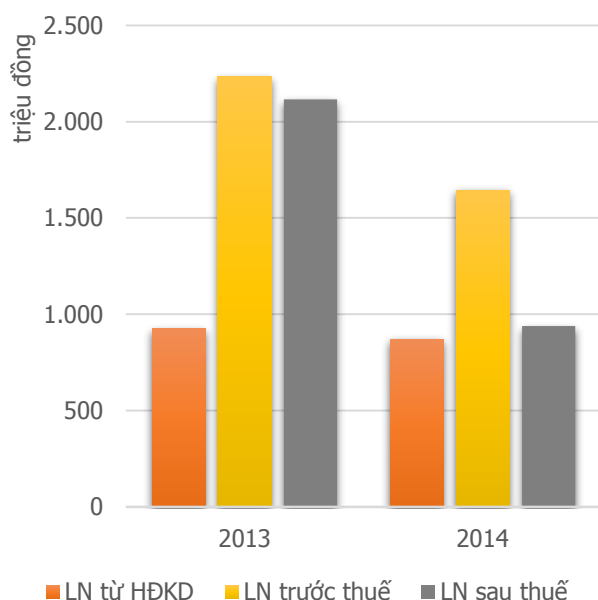


TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	2014	2013
Doanh thu thuần	132.621.747.720	121.758.394.063
Lợi nhuận gộp	8.167.199.113	7.158.466.817
Lợi nhuận từ HĐKD	870.508.795	924.206.254
Lợi nhuận khác	(184.311.903)	(42.166.955)
Lợi nhuận trước thuế	1.646.062.255	2.235.877.919
Lợi nhuận sau thuế	938.863.426	2.115.520.224
Lợi nhuận sau thuế của CĐ công ty mẹ	-	(22.761.231)
EPS	173	435



Tình hình chung của công ty năm vừa qua có nhiều biến động với trọng tâm là tái cơ cấu Công ty, thay đổi chiến lược hoạt động. Trong giai đoạn đầu của sự thay đổi, Ban điều hành vào toàn thể CBCNV đã rất nỗ lực để vừa duy trì sản xuất vừa thực hiện lối đi mới. Doanh thu thuần năm 2014 tăng nhẹ 8,9%, tương tự lợi nhuận gộp tăng 14,09%. Tuy nhiên, năm qua các chi phí đều tăng khá cao từ nhân công, chi phí tái cơ cấu, chi phí quản lý doanh nghiệp, đặc biệt chi phí bán hàng tăng hơn gấp đôi so với năm trước đã làm sụt giảm lợi nhuận đáng kể.

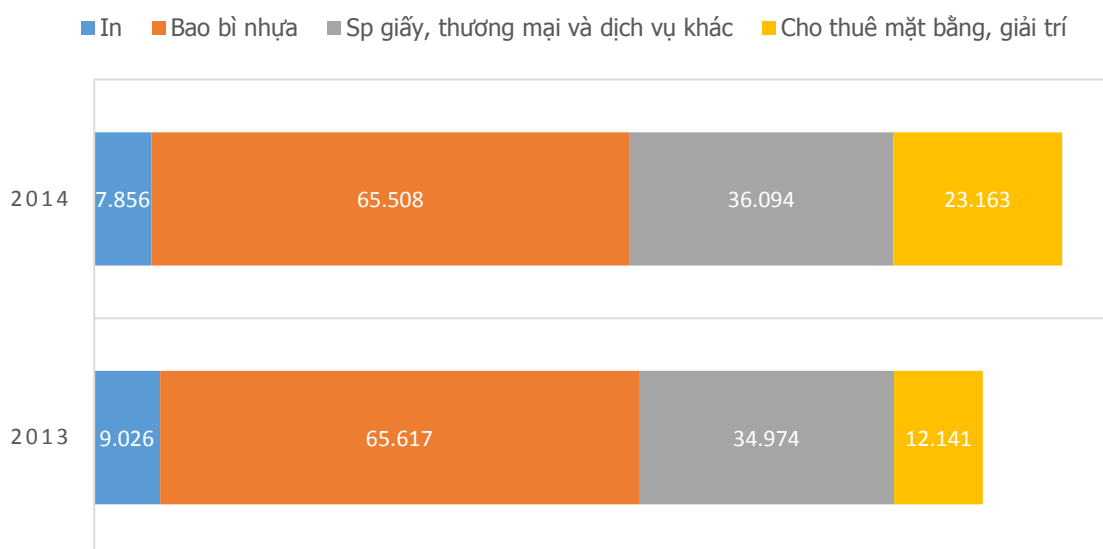
ĐVT: triệu đồng

NGÀNH	2013		2014	
	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp
In	9.026	750	7.856	602
Bao bì Nhựa...	65.617	2.864	65.508	2.423
SP giấy, thương mại và dịch vụ khác	34.974	1.839	36.094	2.106
Cho thuê mặt bằng, giải trí	12.141	1.705	23.163	3.036
Cộng	121.758	7.158	132.621	8.167

NGÀNH	TỶ TRỌNG 2013		TỶ TRỌNG 2014	
	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp
In	7,41%	10,48%	5,92%	7,37%
Bao bì Nhựa...	53,89%	40,01%	49,39%	29,67%
SP giấy, thương mại và dịch vụ khác	28,72%	25,69%	27,22%	25,79%
Cho thuê mặt bằng, giải trí	9,97%	23,82%	17,47%	37,17%
Cộng	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

Năm 2014, doanh thu sản xuất in của công ty giảm nhưng lợi nhuận gộp tăng do công ty đã tích cực tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản xuất. Ngành nhựa, hóa chất giảm nhẹ mặc dù kim ngạch xuất khẩu tăng nhẹ nhưng doanh thu nội địa giảm do trong năm công ty đã ngưng bán hàng cho một số khách hàng còn tồn đọng công nợ quá lâu. Ngành sản xuất giấy, thương mại và các dịch vụ văn hóa khác như băng đĩa nhạc, đồ chơi trẻ em, doanh thu tăng nhẹ, tuy nhiên mức tăng lợi nhuận gộp lại cao hơn nhiều. Với sự ảnh hưởng từ suy thoái kinh tế trong và ngoài nước, trong thời gian qua, lượng khách tham quan các khu vui chơi, giải trí cũng giảm mạnh nhưng công ty đã tích cực gia tăng các hoạt động kích hoạt để thu hút khách hàng nên doanh thu chỉ giảm nhẹ. Ngoài ra, mặt bằng dư của Công ty tại những nơi này cũng được sắp xếp để cho thuê, nhờ vậy mà lợi nhuận gộp của riêng mảng này đã tăng trưởng.

CƠ CẤU DOANH THU NGÀNH



Năm qua công ty đã nỗ lực duy trì và tìm kiếm thêm nguồn hàng cung ứng để ổn định giá cả hàng hóa đầu vào, nhờ vậy mà doanh thu thuần bán hàng năm 2014 tăng 8,9% so với năm 2013, giá vốn hàng bán tăng 8,6%, dẫn đến lợi nhuận gộp tăng 14,1% so với năm 2013. Chi phí bán hàng tăng 57% do đầu vào khâu lưu thông tăng cao, chi phí lương tăng nhanh do mặt bằng giá lương chung tăng, cộng thêm các chi phí do tái cấu trúc. Chi phí quản lý tăng 10,4% do lương tăng và các định phí khác tăng. Chi phí lãi vay giảm 43,2%, gần phân nửa so với 2013.

Trong năm 2014, Công ty đã có một số thay đổi trong chiến lược kinh doanh, sản phẩm,... như sau:

Sản phẩm mới

- » Túi đựng bánh mì cho hệ thống Big C
- » Túi có dán miệng cung cấp cho Cty Bowker VN

Khách hàng mới

- » Công ty TNHH May Mặc Bowker VN - Cty TNHH Hải Hà KOTOBUKI - Công ty TNHH Miwon VN - Cty TNHH TM Quốc tế Việt An.
- » CASTLE INDUSTRIAL SUPPLIES LTD (KH nước ngoài)

Thị trường mới

- » Mở rộng ra các tỉnh lân cận phía Bắc – ngành bao bì nhựa
- » Tỉnh Bình Dương - công nghệ màn hình LED

Nguồn cung cấp

- » Riêng về ngành giấy: nhập thêm 2 loại giấy mới để đa dạng sản phẩm
- » Nhập thêm hạt phụ gia ngành nhựa và hạt tái sinh nhằm giảm giá thành sản phẩm, giảm tỷ lệ phế liệu.
- » Tìm thêm nhà cung cấp nguyên liệu nhựa ở các khu vực Trung Đông với giá cạnh tranh hơn từ Singapore, Malaysia, Thailand ...

Chiến lược kinh doanh

Đối với thị trường ngoại địa: Công ty đã trực tiếp đàm phán với khách hàng nước ngoài để chuyển sản xuất bao bì nhựa từ gia công sang mua bán thành phẩm, bước tiến này giúp công ty tạo ra giá trị gia tăng cho hoạt động sản xuất của ALTA.

Đối với thị trường nội địa: Tăng cường phát triển thị trường nội địa ở những mảng có đơn hàng số lượng lớn và thường xuyên.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

ĐVT: đồng

Công ty	Doanh thu	LN sau thuế	Tổng tài sản
Công ty con			
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	30.474.813.126	1.078.308.167	19.270.598.643
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	26.533.147.883	(29.690.707)	22.169.143.598
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	482.849.852	(693.240.580)	3.802.673.590
Công ty liên kết, liên doanh			
CTCP In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	40.079.415.519	4.776.852.238	25.860.574.473

Trong năm 2014, Công ty đã mua lại toàn bộ giá trị phần vốn góp từ đối tác trong Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt. Vì vậy đến thời điểm 31/12/2014 Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt trở thành công ty con của Công ty và hiện đang tạm dừng hoạt động để cấu trúc lại vốn chủ sở hữu. Đồng thời, Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương cũng hoàn tất giải thể do đó không còn là công ty con của ALTA.

Ngoài ra, Công ty còn có 122,3 triệu đồng đầu tư vào cổ phiếu của CTCP Dược phẩm Đồng Nai và CTCP Giấy Lệ Hoa.

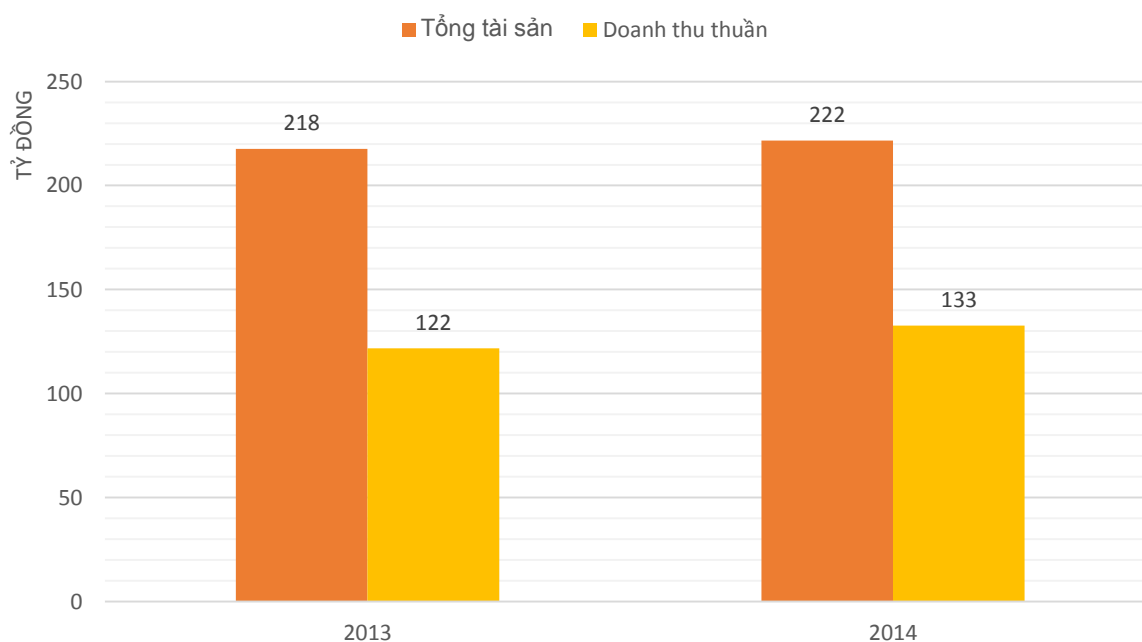


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	2014	2013	%2014/2013
Tổng Tài sản	221.588.073.132	217.675.433.988	1,80%
Doanh thu thuần	132.621.747.720	121.758.394.063	8,92%
Lợi nhuận gộp	8.167.199.113	7.158.466.817	14,09%
Lợi nhuận khác	(184.311.903)	(42.166.955)	337,10%
Lợi nhuận trước thuế	1.646.062.255	2.235.877.919	-26,38%
Lợi nhuận sau thuế	938.863.426	2.115.520.224	-55,62%
Lợi nhuận sau thuế của CD công ty mẹ	-	(22.761.231)	-
EPS	173	435	- 60,23%

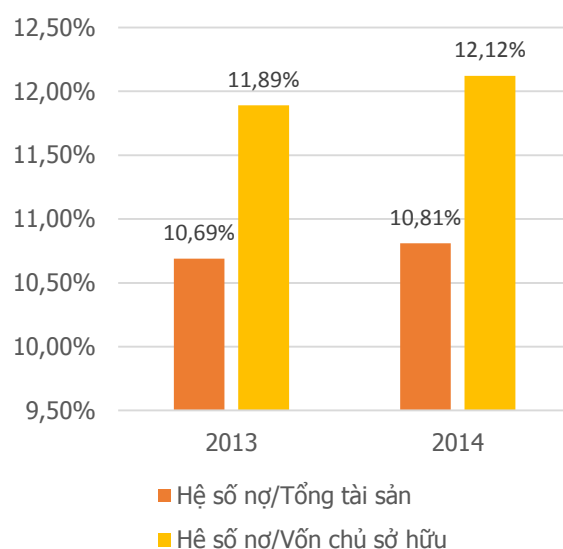


Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

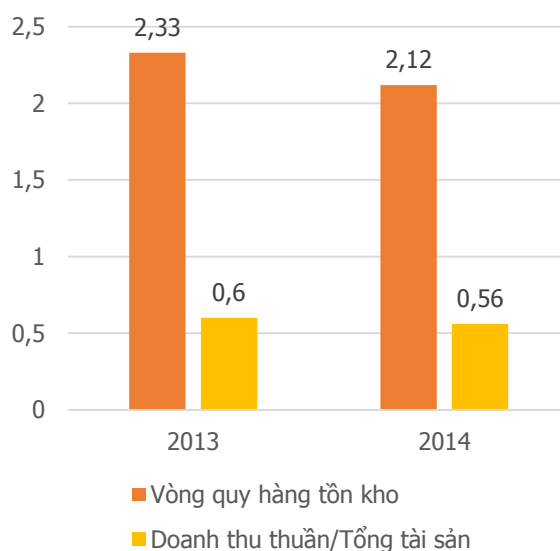
Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2013
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	4,85	4,29
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,46	1,84
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	10,81%	10,69%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	12,12%	11,89%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,33	2,12
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,60	0,56
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,71%	1,74%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,48%	1,08%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,42%	0,97%
Hệ số Lợi nhuận từ hđ kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,66%	0,76%



Các khoản nợ của Công ty chiếm tỷ trọng khá nhỏ trong cơ cấu nguồn vốn. Tính trên Vốn chủ sở hữu, nợ chỉ chiếm 12,12% và tăng nhẹ so với năm trước. Công ty không sử dụng nợ dài hạn để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đầu tư của mình. Trong năm 2013 và 2014 đã phát sinh 2 khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Á Châu, tính đến 31/12/2014, khoản vay này có giá trị khoản 7,4 tỷ đồng, so với tổng tài sản trị giá 221,5 tỷ của Công ty thì khoản vay này không có gì để lo ngại. Chính vì vậy mà các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều rất tốt.



Đa phần các khoản nợ phải trả phát sinh do quá trình sản xuất kinh doanh thông thường như người mua trả tiền trước hay các khoản còn phải trả cho người lao động,... Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn tăng nhẹ từ 4,29 lần năm 2013 lên 4,85 lần cho năm 2014. Ngoài ra, hàng tồn kho trong năm đã giảm đi 4,99% so với cùng kỳ, điều này giúp chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh của công ty tăng từ 1,84 lên 2,46 trong năm nay.



Vòng quay hàng tồn kho tăng nhẹ ngoài yếu tố hàng tồn kho giảm còn có sự góp phần của 8,6% gia tăng của giá vốn hàng bán do tăng trưởng doanh thu. Tuy nhiên, như đã đề cập, các khoản chi phí trong năm tăng cao dẫn đến các chỉ số sinh lời đều sụt giảm.

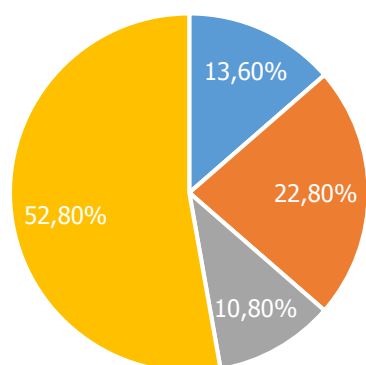
Qua bảng số liệu trên có thể thấy Công ty đang có tình hình tài chính ổn định và lành mạnh, đồng thời cần tập trung đẩy mạnh khâu kinh doanh, quản lý chặt chẽ chi phí, từ đó nâng cao khả năng sinh lời của Công ty.

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

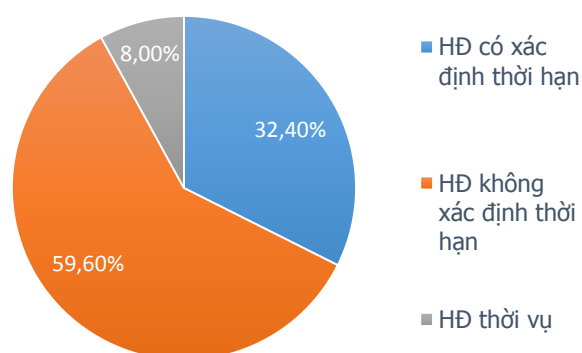
Tính đến 31/12/2014, Công ty có 250 lao động, trong đó gồm 199 lao động trực tiếp và 52 lao động gián tiếp.

STT	Tính chất phân loại	Số lượng 2013	Tỷ lệ 2013	Số lượng 2014	Tỷ lệ 2014
I	Theo trình độ học vấn	248	100,00%	250	100,00%
1	Đại học	33	13,31%	34	13,60%
2	Cao đẳng	41	16,53%	57	22,80%
3	Trung cấp	24	9,68%	27	10,80%
4	Phổ thông trung học trở xuống	150	60,48%	132	52,80%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	248	100,00%	250	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	47	18,95%	81	32,40%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	187	75,40%	149	59,60%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	14	5,65%	20	8,00%

- Đại học
- Cao đẳng
- Trung cấp
- PTTH trở xuống



Cơ cấu lao động theo trình độ học vấn



Cơ cấu lao động theo hợp đồng lao động

Chính sách lương, thưởng

Chính sách đãi ngộ người lao động của Công ty gắn liền kết quả làm việc với lương thưởng. Năm qua công ty đã áp dụng KPI để đánh giá công việc, vừa tạo sự khách quan trong đánh giá công ty đồng thời tăng hiệu suất lao động. Ban lãnh đạo và các bộ phận nhân sự, tài chính kế toán đã cùng phối hợp để đảm bảo thanh toán lương cho CBCNV đúng thời hạn. Lương bình quân của Công ty năm 2014 đạt 5,45 triệu đồng, tăng 30,19% so với năm trước.

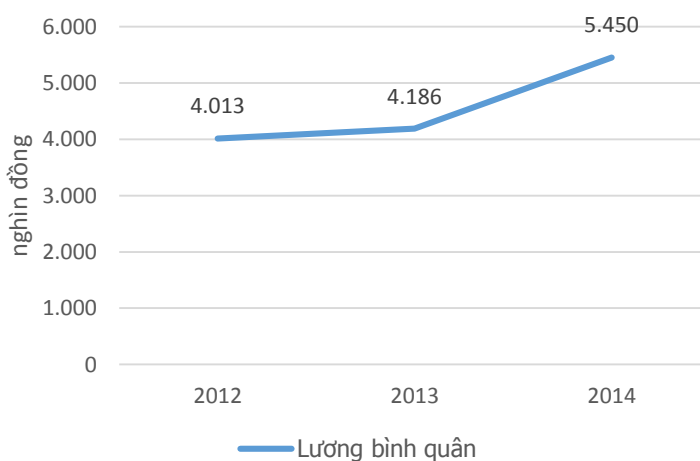
ALTA đảm bảo việc thực hiện các quy định về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thực hiện chế thai sản, nghỉ lễ tết, thời gian nghỉ ngơi, theo quy định của Bộ Luật lao động và các văn bản pháp luật liên quan để CBCNV có thể yên tâm làm việc. Ngoài ra công ty còn thực hiện kiểm tra sức khỏe định kỳ cho nhân viên, tổ chức tham quan nghỉ mát để tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong tập thể ALTA.

Ngoài ra, Ban điều hành Công ty đặc biệt quan tâm đến vấn đề an toàn lao động. Toàn bộ CBCNV của ALTA đều phải tham gia tập huấn phòng chống cháy nổ, thoát hiểm, sơ cấp cứu. Đối với khối sản xuất, nhân viên phải tuân thủ về trang phục bảo hộ lao động, đảm bảo quy trình làm việc và tuân thủ sự giám sát của cán bộ quản lý để đảm bảo giảm thiểu tối đa rủi ro xảy ra trong quá trình lao động.

Với một công ty có thời gian hoạt động lâu dài và định hướng phát triển dài hạn như ALTA, việc thiết lập văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại là hết sức cần thiết. Vì vậy mà những năm qua, Công ty đã rà soát lại chế độ đãi ngộ nhân viên, tạo dựng các giá trị văn hóa trong Công ty, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng không ngoài mục tiêu xây dựng ngôi nhà ALTA thân thiện, chuyên nghiệp và vững vàng.



Lương bình quân





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ



CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	2013	2014	TH 2014/2013
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	122.011.839.323	133.666.178.889	109,55%
Trong đó: Doanh thu hàng xuất khẩu (USD)	1.498.510,67	1.551.113	103,51%
Các khoản giảm trừ doanh thu	253.445.260	1.044.431.169	412,09%
Hàng bán bị trả lại	253.445.260	1.044.431.169	412,09%
Doanh thu thuần	121.758.394.063	132.621.747.720	108,92%
Giá vốn hàng bán	114.599.927.246	124.454.548.607	108,60%
Lợi nhuận gộp	7.158.466.817	8.167.199.113	114,09%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.353.827.968	1.757.612.330	129,83%
Chi phí tài chính	888.105.576	886.170.464	99,78%
Chi phí bán hàng	1.650.703.533	2.592.106.097	157,03%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.049.279.422	5.576.026.087	110,43%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	924.206.254	870.508.795	94,19%
Thu nhập khác	300.892.983	52.687.791	17,51%
Chi phí khác	343.059.938	236.999.694	69,08%
Lợi nhuận khác	-42.166.955	-184.311.903	437,10%
Phần lãi /lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	1.353.838.620	959.865.363	70,90%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.235.877.919	1.646.062.255	73,62%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	120.357.695	707.198.829	587,58%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.115.520.224	938.863.426	44,38%
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-22.761.231	0	0,00%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.138.281.455	938.863.426	43,91%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	435	173	39,77%



Với kế hoạch 8 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế và 6,9 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, năm qua Công ty chưa hoàn thành kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đặt ra, nguyên nhân như sau:

Cả năm mãi lực thị trường nội địa cũng như xuất khẩu đều giảm, đồng thời cơ cấu tiêu thụ của khách hàng cũng thay đổi gia tăng chủng loại và giảm số lượng sản phẩm nhưng giá cả lại cạnh tranh khốc liệt đã dẫn dắt hoạt động SXKD của Công ty kém hiệu quả vì giá thành sản phẩm tăng cao.

Các chi phí đầu vào của doanh nghiệp như giá điện, nước, vận chuyển, tiền công lao động...và các chi phí xã hội khác tăng cao theo cơ chế thị trường. Công ty đã cố gắng không tăng đơn giá gia công để cạnh tranh và tìm kiếm khách hàng mới nhưng lợi nhuận lại không cao vì chi phí sản xuất đơn hàng nhỏ luôn tăng.

Chi phí đầu vào tăng cao một cách nhanh chóng: giá điện, giá nước tăng, giá nguyên liệu nhựa tăng trong 6 tháng đầu năm, giá các nguyên liệu khác cũng tăng cộng thêm chi phí lương tăng dẫn đến giá thành sản xuất ngành nhựa tăng thêm gần 15%. Các chi phí tăng tạo áp lực lên sản xuất kinh doanh làm lợi nhuận định mức các ngành hàng đều sụt giảm.

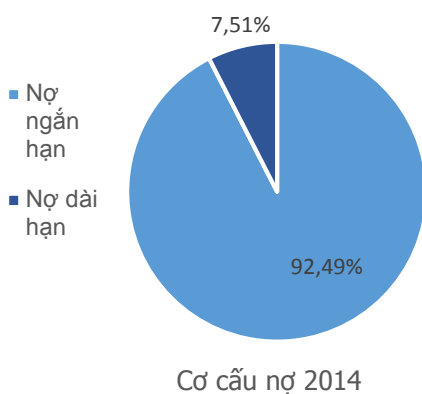
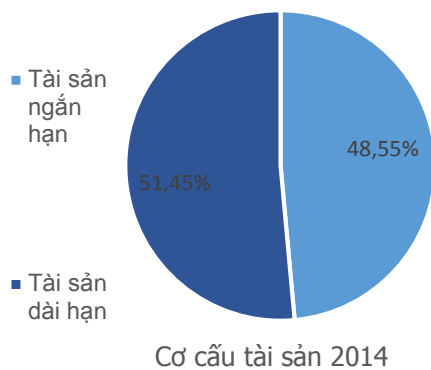


Các sản phẩm dịch vụ văn hóa truyền thống những năm gần đây đã suy giảm mạnh và đi vào thoái trào như : Dĩa nhạc CD, DVD; Chế bản điện tử, in thẻ...đã buộc Công ty phải giải thể những Đơn vị SXKD trong các lĩnh vực này. Việc tái cấu trúc cũng làm phát sinh một số các chi phí như thanh lý, trả hàng, trả tiền thôi việc cho 1 số công nhân viên ...Do kinh tế Việt Nam chưa thoát khỏi thời kỳ khó khăn, các dự án dịch vụ thương mại và giải trí gặp phải tâm lý ngại tiêu dùng nên chưa mang lại hiệu quả mong muốn.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2014

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	% tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	107.572.252.122	99.715.045.865	7,88%
Tài sản dài hạn	114.015.821.010	117.960.388.123	-3,34%
Tổng tài sản	221.588.073.132	217.675.433.988	1,80%
Nợ ngắn hạn	22.160.958.560	23.262.150.758	-4,73%
Nợ dài hạn	1.800.000.000	0	-
Tổng nợ	23.960.958.560	23.262.150.758	3,00%
Vốn chủ sở hữu	197.627.114.572	195.596.818.946	1,04%
Tổng nguồn vốn	221.588.073.132	217.675.433.988	1,80%



Tài sản của công ty tăng 7,8% ở mục tài sản ngắn hạn và ngược lại, tài sản dài hạn giảm nhẹ 3,34% làm cho tổng tài sản nhích lên chỉ 1,8% so với năm trước. Xét về cơ cấu hầu như không có sự biến động khi tài sản dài hạn vẫn chiếm ưu thế với tỷ trọng 51,45%.

Nợ ngắn hạn vẫn duy trì tỷ trọng hầu như toàn bộ các khoản nợ của công ty, tuy nhiên năm qua đã vay 1,8 tỷ trong khoản 2 đến 3 năm để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này không tính lãi do đó không làm gia tăng chi phí tài chính của công ty.

Trong năm 2014 công ty không tồn tại nợ phải thu khó đòi, đồng thời với tình hình tài chính tốt như đã đề cập, các nợ phải trả đều được đảm bảo thanh toán đúng hạn.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm qua Công ty đã có nhiều thay đổi để tinh gọn Công ty, phát triển tập trung vào những lĩnh vực thế mạnh của mình, loại bỏ những hoạt động không còn phù hợp, cơ cấu lại bộ máy hoạt động, trẻ hóa đội ngũ... cụ thể như sau:



Cải cách về cơ cấu tổ chức

Tái cấu trúc các đơn vị phụ thuộc của công ty hoạt động kém hiệu quả:

- » Giải thể Trung tâm Băng đĩa nhạc Trùng Dương: chuyển nhân sự, công nợ, tài sản, kho băng đĩa gốc và toàn bộ bản quyền audio-video về Công ty Alta Media từ ngày 01/7/2014.
- » Công ty Alta Media tiếp tục kinh doanh kho băng đĩa nhạc còn tồn, thu hồi công nợ, tiếp tục phần thu bản quyền và có kế hoạch phát triển kho băng chương trình thành ứng dụng trên thiết bị thông minh.
- » Giải thể Trung tâm chế bản và kỹ thuật in Tân Bình, chuyển máy móc thiết bị, nhân sự, công nợ, tài sản, kỹ thuật về Công ty Đan Việt từ 01/9/2014.
- » Giải thể CTCP Công nghệ môi trường Hoa Hương Dương từ ngày 23/7/2014 vì sau 6 năm hoạt động, phía liên doanh không đủ điều kiện để góp vốn.
- » Giải thể Trung tâm kinh doanh đồ chơi Alta, nhượng bán tài sản, hàng hóa, công nợ cho Công ty TNHH Thương Mại - Dịch Vụ - Xuất Nhập Khẩu Đồ Chơi ALFA với tổng trị giá 2.343.418.202 đồng từ ngày 01/12/2014.
- » Mua lại phần vốn liên doanh của Công ty Formula – Đan Mạch tại Công ty Đan Việt vì chủ sở hữu công ty Formula đã bán toàn bộ công ty này cho pháp nhân khác. Trị giá mua 01 USD. Từ ngày 31/12/2014.
- » Công ty này hiện nay là Công ty TNHH MTV Hợp tác Phát triển Đan Việt

Mục đích tái cấu trúc

- » Các sản phẩm dịch vụ văn hóa truyền thống những năm gần đây đã suy giảm mạnh và đi vào thoái trào như: Đĩa nhạc CD, DVD; Chế bản điện tử, in thẻ... đã buộc Công ty phải giải thể những Đơn vị SXKD trong các lĩnh vực này.
- » Việc tái cấu trúc sẽ giảm thiểu số lỗ phát sinh trong tương lai cũng như việc sáp nhập sẽ giúp tinh giản nhân sự, tập trung sản xuất kinh doanh vào một môi trường ổn định và phát triển hơn.
- » Thông qua việc sắp xếp sẽ có thêm mặt bằng và vốn liếng cho các đơn vị, công ty con đang hoạt động và phát triển.
- » Tuy nhiên việc tái cấu trúc cũng làm phát sinh một số chi phí như thanh lý, trả hàng, trả tiền thôi việc cho 1 số công nhân viên ...

Chính sách quản lý - điều hành

Với sự thay đổi chính sách đãi ngộ về lương thưởng, năm qua Công ty đã ổn định về mặt nhân sự, không có biến động lớn trong năm 2014 gây ảnh hưởng đến tính liên tục của hoạt động.

Chuyển Phòng kinh doanh từ cơ chế quản lý & giám sát thành Trung tâm kinh doanh với cơ chế trực tiếp kinh doanh và thu nhập trên hiệu quả, bước đầu đã nhận được một số đơn hàng lớn.

Ban điều hành đã thực hiện chuyển giao quyền hạn và trách nhiệm cụ thể, minh bạch cho Ban điều hành các công ty con.

Mạnh dạn giải thể những khu vực SXKD kém hiệu quả, không còn phù hợp với xu thế phát triển.

Công ty Alta Media đã triển khai và áp dụng thành công chương trình ERP thông qua giải pháp công nghệ thông tin là hệ thống BMS (Business Management System) từ năm 2011. Đây là sản phẩm phần mềm do Alta Media tự viết và hoàn chỉnh. Năm 2014 đã triển khai vận hành và áp dụng từng bước tại ALTA và Công ty Nhựa Âu Lạc.







KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Về sản phẩm, qui trình sản xuất và công nghệ

- Phát triển sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đón đầu xu hướng của thị trường về các sản phẩm nhựa sinh học, các sản phẩm an toàn, thân thiện với môi trường.
- Nghiên cứu thực tế để cải tiến qui trình sản xuất tinh gọn và hiệu quả hơn.
- Đầu tư chiều sâu công nghệ ngành theo hướng tự động và chuyên môn hóa.

Về nhân sự và mô hình làm việc

- Nỗ lực đào tạo các thành viên về sự nhận thức, lòng nhiệt huyết, sự hiểu biết chuyên môn, tay nghề và khả năng hành động.
- Triệt để trẻ hóa đội ngũ, mạnh dạn giao việc và khuyến khích mô hình làm việc theo nhóm chuyên môn hoặc tổng hợp.
- Quy tụ những thành viên nhiều kinh nghiệm tiếp tục cộng tác với vai trò tư vấn truyền giao kinh nghiệm và giới thiệu khách hàng thân quen.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp trên cơ sở các hoạt động thiết thực hơn liên quan đến kỳ vọng của cá nhân và ban điều hành.

Về quan hệ đối tác

- Tôn trọng truyền thống và văn hóa doanh nghiệp riêng biệt.
- Cam kết cao nhất về chất lượng sản phẩm và dịch vụ hậu mãi với những giá trị gia tăng thuần khiết và tối ưu.
- Sẵn sàng mời gọi các Nhà cung ứng, các Khách Hàng trở thành những bạn hàng và những đối tác chiến lược tiềm năng.

Về quảng bá thương hiệu, tiếp thị và kinh doanh

- Xây dựng đội ngũ kinh doanh phát triển thương hiệu ALTA cho tất các sản phẩm tiêu dùng, dịch vụ và giải trí.
- Xác định đối tượng khách hàng cho từng ngành nghề in ấn, Công nghệ thông tin, nhựa, quảng cáo truyền thông, giải trí – văn hóa,... để đưa ra chiến lược marketing cụ thể, phù hợp, chuyên nghiệp.
- Áp dụng chính sách lương thưởng gắn liền với hiệu quả công việc cho các bộ phận kinh doanh, thúc đẩy người lao động làm việc với hiệu suất cao hơn.

Về công tác đầu tư

- Phân tích tình hình đầu tư vào từng công ty con, công ty liên doanh liên kết. Trên cơ sở kết quả hoạt động qua các năm, khảo sát thị trường về xu hướng sắp tới và tình hình tài chính của từng đơn vị, Ban Giám đốc điều hành có quyết định tăng cường khai thác, đầu tư ở lĩnh vực nào sao cho đạt hiệu suất sử dụng vốn cao nhất.
- Xem xét lại việc sử dụng bất động sản của Công ty sao cho hiệu quả với vị trí, chức năng, và quy mô hoạt động.

The background features a light beige color with several puzzle pieces scattered across it. The puzzle pieces are filled with various shades of blue, ranging from light sky blue to dark navy blue. There are also abstract blue splatters and brushstrokes, particularly on the left side and bottom, adding a dynamic and artistic feel to the design.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2014 tăng trưởng GDP của cả nước tước tăng 5,98% so với năm 2013, cao hơn mức tăng 5,42% của năm 2013 và mức tăng 5,25% của năm 2012; dự trữ ngoại hối tăng cao, tỷ giá ngoại tệ được kiểm soát trong biên độ 1-2%, lãi suất ngân hàng giảm, thị trường bất động sản ấm dần lên... Tất cả những tín hiệu trên cho thấy một sự chuyển biến tích cực của nền kinh tế năm qua. Tuy nhiên, các vấn đề khác như nợ xấu của các tổ chức ngân hàng, sự hấp thụ vốn của nền kinh tế từ chính sách tiền tệ nới lỏng còn chậm, sự tác động từ những bất ổn của chính trị và kinh tế Thế Giới... cho thấy nền kinh tế chưa thật sự hồi phục và còn nhiều thách thức trước mắt.

Năm qua Ban điều hành Công ty đã đưa ra nhiều giải pháp để thúc đẩy sản xuất kinh doanh, xong với những khó khăn trong quá trình tái cơ cấu công ty, các chỉ tiêu về lợi nhuận chưa đạt được kế hoạch đề ra. Những yêu cầu, thách thức mà thị trường đặt ra cho công ty buộc nhà điều hành phải thực hiện đổi mới để tồn tại và phát triển. Quá trình này sẽ mất một khoản thời gian để các hoạt động đi vào đường lối mới. Do đó, Hội đồng quản trị tin tưởng rằng, những bước đi vững vàng của ngày hôm nay sẽ là bàn đạp cho sự phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

Những điểm mạnh

Công ty có tình hình tài chính ổn định, không gặp khó khăn về tín dụng.

Mạng lưới sản xuất kinh doanh tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh, tạo thuận lợi cho khách hàng giao dịch.

Có khách hàng xuất khẩu truyền thống hơn 15 năm qua nên vẫn duy trì và ổn định sản xuất kinh doanh ngành nhựa.

Luôn phát triển doanh nghiệp thông qua việc kết hợp sức mạnh nội lực của Công ty với mối liên kết hợp tác chân thành với các Nhà cung ứng cũng như với các Khách hàng.

Bước đầu xây dựng được đội ngũ lao động trẻ và năng động.

Những điểm yếu

Văn hóa doanh nghiệp chưa được phát huy nhằm nâng cao hơn nữa tinh thần làm việc của nhân viên, sự đoàn kết hợp tác lẫn nhau giữa các đơn vị / phòng ban và phát huy tối đa sức mạnh tập thể.

Danh mục sản phẩm hạn chế, chủ yếu tập trung vào những sản phẩm truyền thống, hoạt động sản xuất còn lệ thuộc vào đơn hàng chưa có sản phẩm mới với giá trị gia tăng cao để chiếm lĩnh thị trường riêng.

Các sản phẩm dịch vụ văn hóa truyền thống những năm gần đây đã suy giảm mạnh và đi vào thoái trào.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Trước tình hình khó khăn của năm 2014, Ban giám đốc điều hành công ty (BGĐĐH) với việc thay đổi nhân sự cấp cao nhất vào nửa năm sau đã cố gắng ổn định sản xuất và phát triển những hướng đi mới về công nghệ thông tin trên nền tảng ứng dụng mới.. Cùng với Hội đồng quản trị và toàn thể CBCNV Công ty, Ban giám đốc điều hành đã có một năm hoạt động rất nỗ lực và đáng ghi nhận.

- » Tăng cường hoạt động tiếp thị chào hàng nội địa để tìm kiếm khách hàng lớn, ổn định và trở thành nguồn bù đắp cho sự giảm sút của sản lượng xuất khẩu.
- » BGĐĐH công ty cũng đã đưa ra chính sách giá mới – giá trọn gói thay cho giá gia công để đảm bảo lợi nhuận định mức cho sản xuất.
- » Với các ngành dịch vụ giải trí, BGĐĐH công ty đã tập trung cho các chiến dịch quảng bá thông qua các kênh truyền thông đa phương tiện kết hợp với nhiều hình thức khuyến mãi liên hoàn để đưa hình ảnh các công nghệ mới đến gần người tiêu dùng giải trí.
- » Công ty đã tăng cường các chính sách đãi ngộ cho người lao động trên nền tảng văn hóa doanh nghiệp trong năm 2014 nên đã giảm thiểu được tình hình biến động công nhân đặc biệt là công nhân lao động nhập cư.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỤ THỂ TRONG GIAI ĐOẠN 2015 - 2025

» Chiến lược phát triển sản phẩm

Sản phẩm chủ yếu của Công ty hiện nay đơn thuần chỉ là sản phẩm gia công cho khách hàng nên hướng tới phải tập trung hoạt động nghiên cứu và tạo ra các loại sản phẩm chuyên biệt, đa dạng thỏa mãn cho nhiều loại đối tượng người tiêu dùng đồng thời cũng phải tạo được sự khác biệt giữa sản phẩm Alta với sản phẩm đồng chủng của thị trường. Ngoài ra, Công ty cũng cần tập trung phát triển các dòng sản phẩm dịch vụ hậu mãi liên quan đến dòng sản phẩm chủ lực.

» Chiến lược hợp tác đầu tư

Để tạo nguồn lực (tài chính, kinh nghiệm) dồi dào của công ty thì giải pháp hợp tác đầu tư là một trong những giải pháp tối ưu, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Hợp tác kinh doanh có thể thông qua thỏa thuận nội bộ hoặc tìm kiếm đối tác có tiềm lực tài chính và kinh nghiệm cùng hợp tác sản xuất kinh doanh và đầu tư.

» Chiến lược cạnh tranh bằng lợi thế

Cạnh tranh về giá

Công ty cần tập trung hình thành và phát triển đội ngũ kỹ thuật vững mạnh nghiên cứu phát triển và đáp ứng nhu cầu phụ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty, tiết kiệm giá thành đồng thời tận dụng ưu thế tài chính công ty để tạo ra lợi thế cạnh tranh về giá của sản phẩm Alta.



Cạnh tranh về sự khác biệt

- Tạo sự khác biệt về chất lượng sản phẩm

Khác biệt về sản phẩm đòi hỏi công ty phải có bộ phận nghiên cứu và phát triển (R&D) mạnh, qua đó luôn tạo ra những dòng sản phẩm mới, khác biệt so với đối thủ cạnh tranh.

Trong điều kiện hiện nay, sự khác biệt của công ty về dòng sản phẩm chưa có gì mới so với các đối thủ cạnh tranh. Để giữ vững thương hiệu, Công ty cần tiếp tục duy trì việc đảm bảo chính sách chất lượng của Công ty: Sản phẩm Alta luôn phải thỏa mãn yêu cầu của khách hàng; chất lượng được bảo đảm và giá cả hợp lý; tiện dụng và thân thiện môi trường;

HĐQT sẽ phối hợp với Ban giám đốc điều hành sớm triển khai bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm, thị trường.

- Tạo sự khác biệt về chất lượng dịch vụ

Quan tâm đến sự thỏa mãn khách hàng qua chất lượng dịch vụ: ALTA muốn tạo dựng mối quan hệ lâu bền với các khách hàng, đối tác. Vì vậy, để thể hiện sự trân trọng của Công ty đối với khách hàng, ALTA sẽ chú trọng đến khâu chăm sóc khách hàng, hậu mãi tốt ... qua đó chuyển tải thông điệp và hình ảnh làm việc chuyên nghiệp, thân thiện.

Yêu cầu bộ phận nhân sự đưa ra kế hoạch đào tạo cụ thể cho nhân viên ở từng bộ phận, đặc biệt là bộ phận kinh doanh, chăm sóc và làm việc trực tiếp với khách hàng. Mục tiêu của các khóa đào tạo này là nhân viên có được phong cách làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, tạo được sự tin cậy từ khách hàng.



✓ **Chiến lược phát triển nguồn nhân lực**

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển lớn mạnh của công ty, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực là cực kỳ cần thiết. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực cần tập trung vào chất lượng, không ngừng đào tạo/đào tạo lại lực lượng tại chỗ, xây dựng đội ngũ kế thừa xứng tầm. Công ty cần có nhiều chính sách (lương, thưởng, phúc lợi...) nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc cho công ty. Bố trí công việc đúng người, đúng việc nhằm khai thác tối đa khả năng sáng tạo của của từng người lao động. Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện đồng thời tập trung phát triển văn hóa doanh nghiệp.

✓ **Các nhóm giải pháp**

Tái cơ cấu công ty

Tiếp tục thực hiện chủ trương tái cơ cấu Công ty, xác định nội dung tái cơ cấu của công ty bao gồm:

- Tái cơ cấu tổ chức bộ máy nâng cao năng lực lãnh đạo điều hành và trình độ chuyên môn của nhân viên.
- Xây dựng cơ cấu cổ đông hợp lý có sự tham gia của các cổ đông mang tính chiến lược, có chuyên môn, năng lực trong những ngành nghề mà công ty đang hoạt động; mở rộng hơn nữa sự tham gia của cổ đông là người lao động nhằm tạo sự gắn kết giữa công ty và nhân viên.
- Tái cơ cấu đầu tư, danh mục các dự án đầu tư, xác định các dự án trọng điểm, các dự án chưa cần làm ngay hoặc dự án không hiệu quả cần loại bỏ, các dự án cần tìm kiếm. Vấn đề này cần đưa ra kế hoạch hành động cho từng giai đoạn, trong đó sự đánh giá cần được phân tích trên cơ sở dữ liệu và dự báo về ngành một cách chính xác, chuyên nghiệp.
- Tái cơ cấu về tài chính: Trên cơ sở lộ trình kế hoạch tái cơ cấu bộ máy, tái cơ cấu danh mục đầu tư, Bộ phận tài chính sẽ đưa ra bảng kế hoạch phân bổ tài chính cho từng giai đoạn. Đồng thời, dựa trên kế hoạch kinh doanh, Công ty sẽ xác định lượng vốn cần thiết để hoàn thành đầu tư, từ đó phân tích phương án huy động vốn hoặc thoái vốn. Từng dự án được phân tích và dự báo tài chính kỹ lưỡng trước khi đưa ra quyết định đầu tư

Quản trị rủi ro

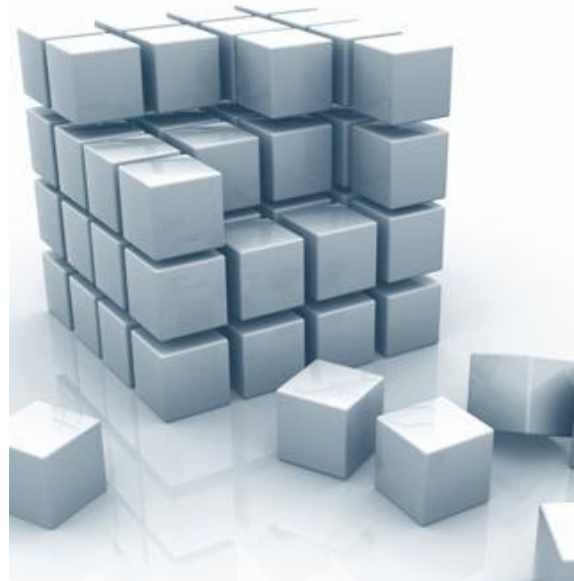
- Mục đích nhằm hạn chế thấp nhất những tác động tiêu cực của suy thoái kinh tế và thị trường địa ốc đóng băng hiện nay. Các rủi ro từ tính thanh khoản thấp, sản phẩm không bán được hoặc bán lỗ, giá trị tài sản hoặc giá trị cổ phiếu suy giảm thấp hơn giá thị trường.
- Nội dung của quản trị rủi ro bao gồm: nâng cao khả năng dự phòng, cẩn trọng trong đầu tư, tiết kiệm trong chi phí, ..., linh hoạt trong việc huy động vốn kinh doanh.



Quản trị nhân sự

Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định khác theo môi trường pháp lý cạnh tranh bình đẳng.

Xây dựng, tổ chức bộ máy khoa học, đánh giá, làm rõ, hoàn chỉnh mô hình tổ chức Ban Giám đốc điều hành và Giám đốc bộ phận, phân công trách nhiệm rõ ràng, có sự phối hợp đồng bộ của các Phòng, Ban chức năng để nâng cao tính chuyên môn, khả năng phân tích của các chuyên viên để cùng nhau thực hiện chức năng nhiệm vụ cốt lõi của công ty là phát triển dự án hiệu quả, đúng tiến độ.



Xây dựng hệ thống lương, thưởng, phúc lợi. Hệ thống này được xây dựng dựa trên nguyên tắc công bằng và công khai, căn cứ vào năng lực thực tế của nhân viên để có những đãi ngộ thích hợp.

Tiếp tục duy trì và phát huy tính ổn định của bộ máy tổ chức, làm tốt công tác quy hoạch cán bộ để đảm bảo thống nhất và ổn định của bộ máy.

Xây dựng và phát huy môi trường làm việc thân thiện, có bản sắc văn hóa riêng.

Xây dựng hệ thống công cụ quản lý, đánh giá, phân tích hiệu quả công việc từng Phòng, Ban cũng như từng nhân viên để đánh giá chính xác, khách quan hiệu quả công việc, đồng thời thấy rõ được điểm mạnh, điểm yếu của từng cán bộ nhân viên.

Quản trị điều hành

Xây dựng hệ thống quản trị minh bạch theo những thông lệ tốt nhất của công ty niêm yết.

Hoàn chỉnh và thực hiện tốt điều lệ và quy chế quản trị công ty, đáp ứng những yêu cầu nghiêm ngặt về quản trị công ty của một công ty niêm yết theo quy định Pháp luật.

Hoàn chỉnh các quy chế hoạt động quản lý, kiểm tra, giám sát nội bộ; thiết lập hệ thống quản lý công nghệ thông tin IT hiện đại, nâng cao hiệu quả quản lý của công ty.

Luôn luôn cập nhật, bổ sung, vận hành nghiêm túc quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

Phát triển website phục vụ cho công tác quảng bá thương hiệu, sản phẩm và công bố thông tin doanh nghiệp; chú trọng xây dựng và phát triển hệ thống kinh doanh online Alta.

Quản trị sản phẩm và tiếp thị

Đa dạng hóa các phương thức kinh doanh (chuyển nhượng, bán sỉ, bán lẻ, bán trả góp, cho thuê, hợp tác, liên kết, ...).

Đa dạng hóa các sản phẩm sản xuất kinh doanh.

Nghiên cứu phân khúc thị trường để chọn lựa sản xuất các sản phẩm đáp ứng chính xác yêu cầu của thị trường cho từng đối tượng khách hàng trong từng thời điểm.

Tạo ra sự khác biệt trong sản phẩm kinh doanh của công ty, mang dấu ấn Alta để thu hút khách hàng (thiết kế, mẫu mã, tính ứng dụng, tiện ích và chất lượng phục vụ, ...).

Mở rộng chức năng kinh doanh của công ty, không những mở rộng các kênh phân phối sản phẩm công ty mà còn tận dụng cơ hội kinh doanh mua sản phẩm hoàn chỉnh hoặc dở dang, để khai thác giá trị cộng thêm kinh doanh tạo lợi nhuận.

Áp dụng các giải pháp tiếp thị hiện đại, phù hợp cho từng đối tượng thị trường để thu hút, tăng cường khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ.

Cập nhật, điều chỉnh, thay đổi kịp thời mẫu mã thiết kế công nghệ, nguyên vật liệu mới để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Quản trị tài chính

Đảm bảo vốn hoạt động của công ty, tương xứng với quy mô đầu tư các dự án bằng các giải pháp:

- » Tập trung thu hồi công nợ.
- » Tập trung vốn cho các công trình trọng điểm để tạo ra sản phẩm đưa ra thị trường vào thời điểm thích hợp, có lợi.
- » Hợp tác kinh doanh, liên doanh với các nhà đầu tư và đối tác là tài chính ngân hàng để tài trợ lâu dài cho công ty. Cần coi đây là giải pháp quan trọng để hạn chế vay ngân hàng, giảm thiểu rủi ro tài chính. Công ty cần phải chuẩn bị tốt các dự án và hình thức kêu gọi đầu tư
- » Các giải pháp tài chính khác theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông hàng năm.
- » Vay ngân hàng.

Tiết kiệm chi phí, tăng cường quản trị rủi ro có thể gây ra do nợ xấu, lãi suất ngân hàng, ... Dự phòng nguồn vốn để công ty ổn định hoạt động trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Tính toán hiệu quả của từng công việc, dự án để điều chỉnh kịp thời việc đầu tư kinh doanh, bảo đảm hiệu quả tốt nhất.

Cân đối dòng tiền: Lập bảng cân đối, kế hoạch hóa thu – chi cho từng dự án, từng quý, từng năm, bảo đảm chủ động hiệu quả và tránh được những rủi ro bất trắc của biến động thị trường

KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2015

Mặc dù, tình hình kinh tế năm 2014 đã ghi nhận những chuyển biến tích cực trong việc ổn định kinh tế vĩ mô, tuy nhiên trước những thách thức về tổng cầu chưa cải thiện, lạm phát có nguy cơ tăng trở lại, các doanh nghiệp vẫn còn khó khăn trong việc tìm kiếm thị trường, sự hấp thụ vốn từ chính sách nới lỏng tiền tệ chưa cao. Bên cạnh đó, các chương trình kinh tế năm 2015 chưa có nhiều đột phá so với năm 2014 và mục tiêu chủ yếu là tập trung ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và phục hồi tăng trưởng. Đồng thời, hoạt động đầu tư công tiếp tục thắt chặt. Vì vậy, khả năng tình hình kinh tế trong năm 2015 cũng sẽ chưa có những đột phá để thoát khỏi tình trạng trì trệ hiện nay, tuy nhiên bức tranh chung của nền kinh tế có thể sáng sủa hơn và có những chuyển biến tích cực hơn năm 2014.

Với những dự báo còn kém lạc quan về triển vọng kinh tế năm 2015, cùng với môi trường hoạt động của doanh nghiệp chưa có nhiều thuận lợi sẽ là lực cản không nhỏ đối với các hoạt động kinh doanh của Công Ty. Tuy nhiên, với quy mô hoạt động chủ yếu ở khu vực TP.HCM và tập trung vào những sản phẩm cốt lõi như in ấn, bao bì, dịch vụ kỹ thuật cao và giải trí thì có nhiều triển vọng hơn so với toàn thị trường vì đây là khu vực kinh tế năng động nhất cả nước.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 được xây dựng trong bối cảnh triển vọng kinh tế chưa có nhiều lạc quan, môi trường hoạt động của các doanh nghiệp chưa thuận lợi. Nội dung kế hoạch được xây dựng dựa trên các căn cứ từ thực trạng của doanh nghiệp, từ nhận định và phân tích môi trường kinh doanh để nhìn nhận được những điểm yếu, điểm mạnh, cơ hội và thách thức của Công Ty trong thời gian tới. Trên cơ sở đó đề ra định hướng kinh doanh, các chỉ tiêu kế hoạch và biện pháp thực hiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công Ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, mang theo nhiều lợi ích hơn cho các cổ đông và người lao động Công Ty

Định hướng kinh doanh

- » Tập trung phát triển kinh doanh các sản phẩm chủ lực của công ty. Đồng thời, ổn định và duy trì hoạt động cho thuê những mặt bằng nhà xưởng dư dôi ra sau quá trình giải thể, sáp nhập, sắp xếp lại các Đơn vị SXKD;
- » Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị để phát triển và thâm nhập sâu hơn thị trường Bình Dương và mở rộng thị phần thị trường Thành Phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. Trong đó, tập trung vào các đối tượng là khách hàng lớn và bán lẻ;
- » Thực hiện chính sách bán hàng linh hoạt và cạnh tranh phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Tuy nhiên, ưu tiên hàng đầu đối với các giao dịch mua bán bảo đảm an toàn trong thanh toán;
- » Chú trọng công tác đầu tư máy móc thiết bị để phục vụ tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường;
- » Tăng cường công tác quản lý nội bộ, công tác giá thành và định mức nhằm kiểm soát chi phí, tiết kiệm tối đa chi phí đầu vào để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm để tăng tính cách cạnh tranh về giá trên thị trường. Đồng thời, chú trọng việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý.

Mục tiêu

- » Phát triển hoạt động kinh doanh theo hướng bền vững và đảm bảo được mức sinh lợi hợp lý trong năm 2015.
- » Ổn định mức chi trả cổ tức cổ đông và nâng cao thu nhập cho người lao động.
- » Chú trọng và nâng cao hiệu quả các hoạt động đầu tư phát triển.
- » Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 như sau :
 - + Doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ là 140 tỷ đồng tăng hơn 5% so với năm 2014.
 - + Lợi nhuận sau thuế là 5 tỷ đồng.
 - + Lãi cơ bản trên cổ phiếu là 924 đồng/cổ phiếu.
 - + Tỷ lệ chi trả cổ tức 06% vốn điều lệ.



Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015

Về sản lượng

Giá trị sản lượng sản xuất và kinh doanh năm 2015 là 140 tỷ đồng. Trong đó, Sản phẩm nhựa là: 70,6 tỷ đồng (chiếm 50,43%), in ấn 7 tỷ đồng (chiếm 5,14%) Dịch vụ công nghệ và kỹ thuật 36,8 tỷ đồng (chiếm 26,29%), Dịch vụ nhà hàng và giải trí 17,9 tỷ đồng (chiếm 12,79%), Hoạt động khác là 7,5 tỷ đồng (chiếm 5,36%).

Đvt: triệu đồng

TT	SẢN PHẨM	Giá trị sản lượng		
		TH 2014	KH 2015	%
01	Sản phẩm nhựa	67.200	70.600	105,06%
	➤ Xuất khẩu	32.840	34.500	105,05%
	➤ Nội địa	34.360	36.100	105,06%
02	Sản phẩm in ấn	7.265	7.200	99,11%
03	Sản phẩm giấy	2.220	2.330	103.60%
04	Dịch vụ Công nghệ & Kỹ thuật	35.000	36.800	105.14%
05	Dịch vụ nhà hàng	14.000	14.700	105.00%
06	Dịch vụ giải trí	3.000	3.150	105.00%
07	Dịch vụ khác	5.015	5.250	104.69%
	CỘNG	133.700	140.000	105 %

Về doanh thu

Doanh thu kế hoạch từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 là 140 tỷ đồng, tăng 5% so với thực hiện năm 2014, trong đó ghi nhận sự tăng trưởng doanh thu ở các sản phẩm theo bảng trên.

Về đầu tư

Tổng giá trị kế hoạch đầu tư năm 2015 là 12 tỷ đồng. Cụ thể:

- » Đầu tư máy móc, thiết bị: Tiến hành đầu tư các trang thiết bị để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Alta Plastic với giá trị đầu tư 2 tỷ đồng.
- » Đầu tư công nghệ chiều sâu nâng cao vị thế và năng lực hoạt động của Công ty Alta Media với giá trị đầu tư dự kiến là 10 tỷ đồng.
- » Ngoài ra sẽ tham gia đầu tư chuẩn hóa nhà máy in của Công ty In Âu Lạc với nguồn từ lợi nhuận để lại tại công ty liên kết.
- » Chuẩn bị thủ tục Đầu tư xây dựng cơ bản : Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao tại số 47/4 Đường Âu Cơ, Phường 9, Quận Tân Bình, Công ty hiện có diện tích đất là 1800 m²; dự kiến thực hiện trong 3 năm từ 2015 – 2017.

Về nhân sự

- » Tổng số lao động năm 2015 tăng 10 % so với năm 2014 từ 250 lao động lên 275 lao động nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.
- » Kế hoạch tuyển dụng năm 2015 là 25 lao động vì Công Ty tiếp tục thực hiện tinh gọn lại bộ máy tổ chức, nhân sự tuyển dụng chủ yếu để bổ sung thay thế và đáp ứng yêu cầu sản xuất tại các Đơn vị SXKD;
- » Kế hoạch đào tạo năm 2015 là 05 khóa chuyên sâu và 05 khóa cơ bản, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trang bị các kỹ năng cần thiết cho người lao động, chi phí đào tạo năm 2015 là 100 triệu đồng.
- » Thu nhập bình quân của người lao động năm 2015 là 6.200.000 đồng/người/tháng, tăng 12% so với năm 2014.



Về tài chính

Doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2015 là 140 tỷ đồng, tăng 5% so với thực hiện năm 2014 và chiếm 98% tổng doanh thu. Lợi nhuận sau thuế là 5 tỷ đồng do hiệu quả hoạt động tái cơ cấu SXKD trong những năm 2013-2014 vừa qua đồng thời do đầu tư các ngành công nghệ thông tin.

Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2015:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2014	KH 2015
01	Doanh thu thuần	132.622	140.000
02	Giá vốn hàng bán	124.455	127.570
03	Lợi nhuận gộp	8.167	12.430
04	Doanh thu từ HĐ tài chính	1.757	1.800
05	Chi phí HĐ tài chính	886	300
	<i>Chi phí lãi vay</i>	219	200
06	Chi phí bán hàng	2.592	2.500
07	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.576	7000
08	Lợi nhuận từ HĐKD	870	4.430
09	Thu nhập khác	53	100
10	Chi phí khác	237	80
11	Lợi nhuận khác	(184)	20
	<i>Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh</i>	<i>960</i>	<i>1.050</i>
12	Lợi nhuận trước thuế	1.646	5.500
13	Chi phí thuế TNDN	707	500
14	Lợi nhuận sau thuế	939	5.000
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/CP)	173	924





QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Hoàng Văn Điều	Chủ tịch	Không điều hành
2	Lại Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch	Kiểm Phó Tổng giám đốc điều hành
3	La Thế Nhân	Thành viên	
4	Trần Quý Tài	Thành viên	
5	Hoàng Minh Anh Tú	Thành viên	Kiểm Tổng giám đốc điều hành

Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Với quy mô hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ chuyên trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.

Hoạt động của HĐQT

Trong năm HĐQT có 06 cuộc họp định kỳ và 04 cuộc họp bất thường theo yêu cầu phát sinh của hoạt động kinh doanh.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Hoàng Văn Điều	Chủ tịch	10/10	100%
2	Lại Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch	10/10	100%
3	La Thế Nhân	Thành viên	10/10	100%
4	Trần Quý Tài	Thành viên	10/10	100%
5	Hoàng Minh Anh Tú	Thành viên	10/10	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/03/NQHĐQT/2014	15/03/2014	Nghị quyết V/v tổ chức Đại Hội Cổ Đông 2014.
2	01/NQĐHCĐ/2014	15/04/2014	Nghị quyết Đại Hội Cổ Đông 2014
3	01/05/NQHĐQT/2014	15/05/2014	Nghị quyết Phiên họp đầu tiên HĐQT Phân công nhiệm vụ 2014
4	01/06/NQHĐQT/2014	10/06/2014	Nghị quyết Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc
5	01/07/NQHĐQT/2014	22/7/2014	Nghị quyết V/v Lựa chọn Đơn vị Kiểm Toán.
6	01/10/NQHĐQT/2014	07/10/2014	Nghị quyết V/v Thực hiện Phát hành Cổ Phiếu Tăng Vốn Điều lệ Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban giám đốc điều hành:

- » Hàng quý xem xét báo cáo điều hành và báo cáo tài chính của BGDĐH công ty.
- » Rà soát việc thực thi chiến lược của BGD điều hành.
- » Truyền đạt những yêu cầu và mong đợi của HĐQT cho kỳ kinh doanh tới.
- Kiểm chứng lại mức độ chính xác của các thông tin mà BGD cung cấp.
- Dự báo rủi ro có thể xảy ra và yêu cầu BGD có biện pháp phòng chống cụ thể.



Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Các thành viên HĐQT không điều hành cùng tham gia các phiên họp định kỳ bất thường và thực thi trách nhiệm của mình cùng với các TVHĐQT khác.

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị công ty:

Hiện nay các lớp đào tạo quản trị công ty do UBCKNN mở còn rất ít và hạn chế về mặt thời gian, do đó công ty chưa thể đăng ký các khóa đào tạo này.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Thái Thị Phương	Trưởng Ban
2	Lê Quốc Thắng	Thành viên
3	Quách Thị Mai Trang	Thành viên

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát tuân theo quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Trong năm 2014, Ban Kiểm soát tiến hành các cuộc họp định kỳ vào hàng quý để đánh giá tình hình tài chính, hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc điều hành và sự phối hợp giữa các bộ phận này. Trong trường hợp đặc biệt và khẩn cấp, BKS tổ chức các cuộc họp bất thường để thống nhất kịp thời về phương án giải quyết vấn đề nảy sinh. BKS tham gia vào các cuộc họp của HĐQT và góp ý kiến của mình theo nguyên tắc trình tự của cuộc họp.

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BGĐĐH

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Lương thưởng và thù lao của HĐQT, BGĐĐH và BKS thực hiện theo quy chế lương thưởng, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm và các quy chế về đánh giá hoạt động khác.

Năm 2014, tổng thù lao HĐQT sẽ nhận được là 300 triệu đồng và tổng thù lao Ban kiểm soát sẽ nhận được là 60 triệu đồng. Ban giám đốc điều hành nhận lương theo quy chế lương và thỏa thuận lao động với Công ty.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Trong năm các thành viên HĐQT không thực hiện mua/bán cổ phiếu. Tuy nhiên, do việc tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu làm cho số lượng cổ phiếu của các cổ đông nội bộ tăng lên theo tỷ lệ % thực hiện quyền chung với tất cả các cổ đông hiện hữu.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không phát sinh



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

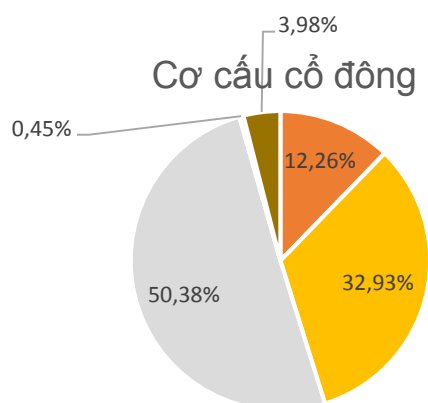
Cổ phần

Vốn điều lệ:	58.480.640.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đã phát hành:	5.848.064 cổ phiếu
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Cổ phiếu thường:	5.848.064 cổ phiếu
Cổ phiếu ưu đãi:	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	19.999.792 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ:	435.814 cổ phiếu



Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	532	5.589.089	95,57%
	Cổ đông nhà nước	1	717.181	12,26%
	Cổ đông tổ chức	30	1.925.893	32,93%
	Cổ đông cá nhân	501	2.946.015	50,38%
II	Cổ đông nước ngoài	42	258.975	4,43%
	Cổ đông tổ chức	4	26.061	0,45%
	Cổ đông cá nhân	38	232.914	3,98%
	Tổng cộng	574	5.848.064	100,00%



- CĐ nhà nước
- CĐ tổ chức trong nước
- CĐ cá nhân trong nước
- CĐ cá nhân nước ngoài
- CĐ tổ chức nước ngoài

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ Phần Địa ốc A.C.B	991.740	16,96%
2	Tổng Công Ty LIKSIN	717.181	12,26%
3	Hoàng Văn Điều	546.095	9,34%
4	Lại Thị Hồng Điệp	335.720	5,74%
Tổng cộng		2.590.736	44,30%

Thay đổi đầu tư vốn chủ sở hữu

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014, ALTA đã phát hành 492.040 cổ phiếu phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Đợt phát hành đã hoàn tất trong năm 2014 làm tăng vốn điều lệ của công ty lên 58.480.640.000 đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2014 Công ty không phát sinh việc mua bán cổ phiếu quỹ.

Chứng khoán khác

Không có



12,600

0 (0%)

Trần **13,800**

Tham chiếu **12,600**

Sàn **11,400**

Cao nhất **12,600**

Thấp nhất **12,600**

Khối lượng **0**

NN I

NN I

Quan hệ cổ đông

Để việc công bố thông tin đến với cổ đông đầy đủ, chính xác, kịp thời, Công ty đã có quy trình về Công bố thông tin nội bộ, hướng dẫn từng bộ phận, cá nhân có liên quan về trình tự và thời gian thực hiện. Ngoài ra, để đảm bảo thông tin đến với cổ đông nhanh chóng, hiệu quả và đúng theo quy định, Công ty đã liên kết với đơn vị tư vấn chuyên môn để đưa ra ý kiến tham khảo. Công tác này không những nhằm tăng sự tương tác giữa công ty và các cổ đông mà còn đối với các nhà đầu tư tiềm năng, tạo sự minh bạch trong hoạt động, gây dựng sự tin tưởng của khách hàng, đối tác.



VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY

Việc quản trị Công ty được tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế Quản trị công ty.

Trong năm Công ty đã có những thay đổi để tăng cường hiệu quả quản trị Công ty:

- Chủ tịch HĐQT không còn kiêm nhiệm TGD công ty.
- Cải tiến qui trình công bố thông tin tránh thiếu sót không đáng có.
- Áp dụng chương trình ERP hoàn thiện trên diện rộng cả công ty.
- Xây dựng và áp dụng KPI cho việc đánh giá nhân sự khối văn phòng và kinh doanh dịch vụ.



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN**

Số: /2015/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 02 tháng 03 năm 2015, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Lê Minh Đức

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1628-2013-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		107.572.252.122	99.715.045.865
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	31.880.002.460	21.442.381.162
111	1. Tiền		14.380.002.460	14.942.381.162
112	2. Các khoản tương đương tiền		17.500.000.000	6.500.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	300.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	300.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		22.651.987.645	21.123.780.640
131	1. Phải thu của khách hàng		19.581.404.863	20.289.362.749
132	2. Trả trước cho người bán		2.417.547.502	1.098.337.749
135	5. Các khoản phải thu khác	4	653.035.280	130.490.521
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(394.410.379)
140	IV. Hàng tồn kho	5	51.953.504.404	54.681.574.456
141	1. Hàng tồn kho		51.953.504.404	54.681.574.456
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.086.757.613	2.167.309.607
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		843.903.420	1.406.965.037
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		196.025.829	699.671.367
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		46.828.364	59.335.846
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	1.337.357

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tt)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
200	B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	114.015.821.010	117.960.388.123
220	II.	Tài sản cố định	55.045.456.770	59.309.160.914
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	49.614.891.740	53.778.586.818
222	-	<i>Nguyên giá</i>	<i>138.476.513.834</i>	<i>135.358.097.569</i>
223	-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(88.861.622.094)</i>	<i>(81.579.510.751)</i>
227	3.	Tài sản cố định vô hình	5.266.847.394	5.292.921.005
228	-	<i>Nguyên giá</i>	<i>7.138.980.488</i>	<i>6.976.430.488</i>
229	-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(1.872.133.094)</i>	<i>(1.683.509.483)</i>
230	4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	163.717.636	237.653.091
240	III.	Bất động sản đầu tư	8	36.926.926.935
241	-	Nguyên giá	52.456.972.189	52.456.972.189
242	-	Giá trị hao mòn lũy kế	(15.530.045.254)	(13.607.371.726)
250	IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	10.916.685.904
252	2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	10.794.356.704	10.764.779.264
258	3.	Đầu tư dài hạn khác	122.329.200	122.329.200
260	V.	Tài sản dài hạn khác	11.126.751.401	8.914.518.282
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	11.070.751.401	8.868.518.282
268	3.	Tài sản dài hạn khác	56.000.000	46.000.000
270		TỔNG CỘNG TÀI SẢN	221.588.073.132	217.675.433.988

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(tt)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		23.960.958.560	23.262.150.758
310	I. Nợ ngắn hạn		22.160.958.560	23.262.150.758
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	7.418.181.955	7.436.277.409
312	2. Phải trả người bán		7.697.339.135	7.996.962.985
313	3. Người mua trả tiền trước		1.240.030.783	2.342.411.801
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	521.225.650	239.510.746
315	5. Phải trả người lao động		1.973.036.827	1.828.270.199
316	6. Chi phí phải trả		-	245.575
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	3.500.623.970	3.578.774.529
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(189.479.760)	(160.302.486)
330	II. Nợ dài hạn		1.800.000.000	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	14	1.800.000.000	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		197.627.114.572	195.596.818.946
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	197.627.114.572	195.596.818.946
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		58.480.640.000	53.562.120.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		140.906.644.443	145.825.164.443
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2.140.945.047	2.140.945.047
414	4. Cổ phiếu quỹ		(11.666.581.607)	(11.666.581.607)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.477.656.109	1.477.656.109
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.890.894.333	2.890.894.333
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.396.916.247	1.366.620.621
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		-	(1.183.535.716)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		221.588.073.132	217.675.433.988



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.782.843.817	1.388.433.438
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		40.073,96	81.121,79
- Đồng Euro (EUR)		294,20	305,12



Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Người lập



Nguyễn Thị Xuân

Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú

Tổng Giám đốc

TP HCM, ngày 02 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	133.666.178.889	122.011.839.323
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	1.044.431.169	253.445.260
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	132.621.747.720	121.758.394.063
11	4. Giá vốn hàng bán	19	124.454.548.607	114.599.927.246
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.167.199.113	7.158.466.817
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1.757.612.330	1.353.827.968
22	7. Chi phí tài chính	21	882.170.464	888.105.576
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		219.103.300	507.189.562
24	8. Chi phí bán hàng	22	2.592.106.097	1.650.703.533
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	5.580.026.087	5.049.279.422
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		870.508.795	924.206.254
31	11. Thu nhập khác		52.687.791	300.892.983
32	12. Chi phí khác		236.999.694	343.059.938
40	13. Lợi nhuận khác		(184.311.903)	(42.166.955)
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		959.865.363	1.353.838.620
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.646.062.255	2.235.877.919
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	707.198.829	120.357.695
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		938.863.426	2.115.520.224
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		-	(22.761.231)
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		938.863.426	2.138.281.455
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	173	435

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

TP HCM, ngày 02 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	133.666.178.889	122.011.839.323
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	1.044.431.169	253.445.260
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	132.621.747.720	121.758.394.063
11	4. Giá vốn hàng bán	19	124.454.548.607	114.599.927.246
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.167.199.113	7.158.466.817
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1.757.612.330	1.353.827.968
22	7. Chi phí tài chính	21	882.170.464	888.105.576
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>219.103.300</i>	<i>507.189.562</i>
24	8. Chi phí bán hàng	22	2.592.106.097	1.650.703.533
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	5.580.026.087	5.049.279.422
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		870.508.795	924.206.254
31	11. Thu nhập khác		52.687.791	300.892.983
32	12. Chi phí khác		236.999.694	343.059.938
40	13. Lợi nhuận khác		(184.311.903)	(42.166.955)
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		959.865.363	1.353.838.620
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.646.062.255	2.235.877.919
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	707.198.829	120.357.695
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		938.863.426	2.115.520.224
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		-	(22.761.231)
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		938.863.426	2.138.281.455
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	173	435



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.646.062.255	2.235.877.919
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		10.355.446.254	11.712.045.106
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		27.559.251	(5.277.116)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.172.756.530)	(2.379.143.997)
06	- Chi phí lãi vay		219.103.300	507.189.562
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.075.414.530	12.070.691.474
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(712.355.169)	2.318.109.416
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.853.386.727	(1.062.373.257)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.941.459.191)	(6.865.287.649)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.146.504.673)	(2.685.161.422)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(219.103.300)	(507.189.562)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(407.652.470)	-
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		882.823.844	459.447.912
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(776.265.601)	(1.014.264.742)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.608.284.697	2.713.972.170
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.070.707.677)	(5.194.366.797)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		34.545.456	260.909.091
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(4.550.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		300.000.000	5.300.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.141.769.110)	-



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tt)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014
		VND	VND
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.767.319.213	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.188.157.137	2.103.248.269
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	77.545.019	(2.080.209.437)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	39.357.369.425	25.842.252.759
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(37.595.658.734)	(33.524.782.069)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(14.518.800)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	1.747.191.891	(7.682.529.310)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	10.433.021.607	(7.048.766.577)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	21.442.381.162	28.494.352.827
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	4.599.691	(3.205.088)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	31.880.002.460	21.442.381.162



Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Người lập



Nguyễn Thị Xuân

Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú

Tổng Giám đốc

TP HCM, ngày 02 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

1 THÔNG TIN CHUNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 03 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở của Công ty tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 58.480.640.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 58.480.640.000 đồng; tương đương 5.848.064 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 27 tháng 07 năm 2009 với mã giao dịch là ALT.

Các công ty con do Công ty sở hữu trực tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2014 gồm:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	TP.HCM	100,00%	100,00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	TP.HCM	100,00%	100,00%	Sản xuất và dịch vụ
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	TP.HCM	100,00%	100,00%	Sản xuất các loại thẻ thông minh

Trong năm 2014, Công ty đã mua lại toàn bộ giá trị phần vốn góp từ đối tác trong Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt, vì vậy đến thời điểm 31/12/2014 Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt trở thành công ty con của Công ty.

Công ty con do Công ty sở hữu trực tiếp đã thanh lý trong năm và không được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2014:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương	Thành phố Hồ Chí Minh	60,00%	60,00%	Sản xuất và dịch vụ

Trong năm 2014, Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương đã giải thể, vì vậy đến thời điểm 31/12/2014 Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương không còn là công ty con của Công ty.

Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 gồm:

Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc

Thông tin bổ sung về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 9.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

Xuất bản phần mềm. Chi tiết: Sản xuất phần mềm trò chơi giáo dục - giải trí;
Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến (không hoạt động tại trụ sở);
Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép;
Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ bán buôn dược phẩm);
Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết dịch vụ Karaoke (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh);
Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, vali, túi xách, nước hoa, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồng hồ, mắt kính, đồ chơi, đồ thể thao, chăn - ga- nệm- gối, hàng ngũ kim, đồ gia dụng (trừ dược phẩm); đồ trang trí nội - ngoại thất, hàng kim khí điện máy - điện lạnh, lương thực - thực phẩm, thức ăn nhanh, nước uống các loại, bánh kẹo, đồ hộp, nông sản (không hoạt động tại trụ sở);
Sản xuất Plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
Sản xuất hóa chất cơ bản;
Sản xuất sản phẩm từ Plastic;
Sản xuất kinh doanh ngành in, ngành ảnh, ngành bao bì, ngành đồ chơi trẻ em và thiết bị giáo dục;
Phát hành sách báo, phát hành băng và đĩa từ (audio và video) có chương trình;
Kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, quảng cáo, rạp hát, chiếu bóng và các loại hình văn hoá vui chơi giải trí;
Sửa chữa, lắp ráp thiết bị điện tử; dịch vụ phần mềm tin học; cho thuê, in sang băng đĩa từ và các dịch vụ đời sống khác; tham gia hoặc trực tiếp đầu tư trong và ngoài nước về lĩnh vực văn hoá và kỹ thuật sản xuất các sản phẩm ngành văn hoá;
Sản xuất nguyên liệu cho ngành bao bì; sản xuất mực in;
Xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
Dịch vụ uốn tóc, trang điểm, cho thuê đồ cưới, may mặc, thiết kế đồ họa, vẽ mỹ thuật;
Lắp ráp máy móc thiết bị cơ điện, sản xuất gia công hàng mỹ nghệ, mỹ phẩm;
Kinh doanh các loại hình văn hoá vui chơi giải trí: Bida, patin, trò chơi điện tử;
Sản xuất, dàn dựng, thu âm, thu hình (audio - video) các chương trình nghệ thuật (có nội dung được phép lưu hành);
Dịch vụ trang điểm, săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động gây chảy máu);
Sản xuất hoá chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
Mua bán: Văn hóa phẩm, sách báo, băng, đĩa từ có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa hình, băng đĩa nhạc tại trụ sở); hàng điện tử, điện máy; thiết bị, linh kiện máy vi tính, máy kỹ thuật số (máy chụp ảnh, máy quay phim, điện thoại);
Đại lý cung cấp dịch vụ internet (không hoạt động tại trụ sở);
Kinh doanh dịch vụ nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở); dịch vụ giữ xe;
Sản xuất, mua bán chai nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở);
Đào tạo nghề;
Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (không kinh doanh đại lý dịch vụ truy cập và truy nhập Internet);
Bán buôn đồ uống có cồn và không cồn;
Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
Hoạt động sản xuất phim và chương trình truyền hình;
Hoạt động hậu kỳ.

1.3 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2014, Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương đã giải thể, vì vậy đến thời điểm 31/12/2014 Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương không còn là công ty con của Công ty. Đồng thời, trong năm 2014 Công ty đã mua lại toàn bộ giá trị phần vốn góp từ đối tác trong Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt, vì vậy đến thời điểm 31/12/2014 Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt trở thành công ty con của Công ty.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.4 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.5 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.



Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc
Máy móc, thiết bị
Phương tiện vận tải, truyền dẫn
Thiết bị dụng cụ quản lý
Tài sản cố định khác
Phần mềm máy tính

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại thửa đất Lô II-3 đường số 11 Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 9.987 m², thời hạn sử dụng đến ngày 17/6/2047. Quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng.

2.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc: 25-35 năm

2.11 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng, trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.13 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán năm.

2.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
Chi phí đi vay vốn;
Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm tài chính hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

2.20 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	5.507.280.473	4.717.988.041
Tiền gửi ngân hàng	8.872.721.987	10.224.393.121
Các khoản tương đương tiền	17.500.000.000	6.500.000.000
	31.880.002.460	21.442.381.162

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,9%/năm đến 5,3%/năm.



4 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	45.470.480	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	-	68.583.000
Phải thu Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	470.000.000	-
Phải thu khác	137.564.800	61.907.521
	653.035.280	130.490.521

5 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	32.912.409.149	38.931.750.971
Công cụ, dụng cụ	1.540.975.131	1.027.493.552
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.847.620.186	2.294.255.066
Thành phẩm	13.021.833.505	10.842.998.858
Hàng hoá	1.630.666.433	1.585.076.009
	51.953.504.404	54.681.574.456

6 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**7 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2014	6.237.885.093	738.545.395	6.976.430.488
Tăng khác	-	250.000.000	250.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(87.450.000)	(87.450.000)
Tại ngày 31/12/2014	6.237.885.093	901.095.395	7.138.980.488
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2014	1.232.635.966	450.873.517	1.683.509.483
Trích khấu hao	149.410.416	114.163.104	263.573.520
Tăng khác	-	12.500.091	12.500.091
Thanh lý, nhượng bán	-	(87.450.000)	(87.450.000)

Tại ngày 31/12/2014	1.382.046.382	490.086.712	1.872.133.094
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2014	5.005.249.127	287.671.878	5.292.921.005
Tại ngày 31/12/2014	4.855.838.711	411.008.683	5.266.847.394

Trong năm 2014, Công ty mua lại toàn bộ giá trị phần vốn góp từ đối tác trong Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt, vì vậy đến thời điểm 31/12/2014 Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt trở thành công ty con của Công ty. Do đó, tăng khác là giá trị tài sản của Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt đã hợp cộng trong số liệu cuối năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

8 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2014	52.456.972.189	52.456.972.189
Tại ngày 31/12/2014	52.456.972.189	52.456.972.189
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2014	13.607.371.726	13.607.371.726
Trích khấu hao	1.922.673.528	1.922.673.528
Tại ngày 31/12/2014	15.530.045.254	15.530.045.254
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2014	38.849.600.463	38.849.600.463
Tại ngày 31/12/2014	36.926.926.935	36.926.926.935

9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	10.794.356.704	10.764.779.264
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	10.794.356.704	8.894.491.341
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	-	1.870.287.923
Đầu tư dài hạn khác	122.329.200	122.329.200
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Đồng Nai	62.829.200	62.829.200
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Giấy Lẻ Hoa	59.500.000	59.500.000
	10.916.685.904	10.887.108.464

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47,00%	47,00%	In ấn và quảng cáo

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
Tại ngày 01/01	8.868.518.282	5.691.213.650
Tăng trong năm	9.072.002.991	10.353.962.123
Tăng khác	492.666.829	-
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(7.362.436.701)	(7.176.657.491)
Tại ngày 31/12	11.070.751.401	8.868.518.282

Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.328.762.217	1.795.585.397
Chi phí xây dựng các chương trình ca nhạc	-	48.700.000
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ	455.947.651	567.608.300
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	308.311.578	568.392.563
Chi phí chờ phân bổ của rạp phim 4D Suối Tiên	130.626.398	169.099.403
Chi phí duy trì tên miền	-	16.694.443
Vật tư có giá trị lớn xuất dùng cho thi công màn hình LED	8.169.257.122	5.017.077.055
Chi phí in sổ hướng dẫn sử dụng	527.083.344	477.083.332
Chi phí trả trước dài hạn khác	150.763.091	208.277.789
11.070.751.401	8.868.518.282	

11 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	7.418.181.955	7.436.277.409
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Bình (1)	5.833.326.255	7.436.277.409
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Thành phố Hồ Chí Minh (2) (Xem thuyết minh 14)	1.584.855.700	-
	7.418.181.955	7.436.277.409

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

- (1) Hợp đồng tín dụng số 0272/Tab1/13LD ngày 04 tháng 11 năm 2013, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng (bao gồm của Việt Nam đồng và Đô la Mỹ);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Tối đa là 06 tháng kể từ ngày nhận nợ vay theo từng giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Tại thời điểm 31/12/2014 là từ 4%/năm đến 5,2%/năm
- (2) Hợp đồng tín dụng số HCM.TB.031306614 ngày 03 tháng 07 năm 2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 đồng và 500.000 Đô la Mỹ;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh các loại, nhập khẩu nguyên vật liệu;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: Tại thời điểm 31/12/2014 là từ 4%/năm đến 4,5%/năm;

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	223.007.990	205.500.235
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	270.764.823	-
Thuế Thu nhập cá nhân	27.452.837	34.010.511
	521.225.650	239.510.746

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



13 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	12.818.562	-
Bảo hiểm xã hội	36.096.172	27.837.393
Bảo hiểm y tế	23.398.784	1.992.808
Bảo hiểm thất nghiệp	10.507.423	400.590
Phải trả cổ tức cho cổ đông	7.297.200	21.816.000
Quỹ phải trả người lao động	1.749.130.442	1.834.625.342
Phải trả cán bộ công nhân viên	418.504.000	850.000.000
Phải trả tiền đặt cọc thuê mặt bằng	1.096.256.552	796.256.552
Phải trả, phải nộp khác	146.614.835	45.845.844
	3.500.623.970	3.578.774.529

14 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn	1.800.000.000	-
Vay cá nhân ⁽¹⁾	1.800.000.000	-
	1.800.000.000	-

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

- (1) Các biên bản mượn vốn số 001/2014/BBMV-AM, 002/2014/BBMV-AM, 003/2014/BBMV-AM trong năm 2014 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền cho vay: 1.800.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn cố định phục vụ hoạt động kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: Áp dụng theo từng hợp đồng, thời hạn từ 2 đến 3 năm;
 - + Lãi suất cho vay: Cho vay không tính lãi;
 - + Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 0 đồng.

15 VỐN CHỦ SỞ HỮU**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	58.480.640.000	53.562.120.000
- Vốn góp đầu năm	53.562.120.000	53.562.120.000
- Vốn góp tăng trong năm	4.918.520.000	-
- Vốn góp cuối năm	58.480.640.000	53.562.120.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.848.064	5.356.212
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.848.064	5.356.212
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.848.064</i>	<i>5.356.212</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	435.814	435.814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>435.814</i>	<i>435.814</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.412.250	4.920.398
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.412.250</i>	<i>4.920.398</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.477.656.109	1.477.656.109
Quỹ dự phòng tài chính	2.890.894.333	2.890.894.333
	4.368.550.442	4.368.550.442

16 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	86.602.389.029	80.852.569.121
Doanh thu cung cấp dịch vụ	47.063.789.860	41.159.270.202
	133.666.178.889	122.011.839.323

17 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1.044.431.169	253.445.260
	1.044.431.169	253.445.260

18 DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm, hàng hóa	85.557.957.860	80.599.123.861
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	47.063.789.860	41.159.270.202
	132.621.747.720	121.758.394.063



19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	82.054.513.909	74.948.584.269
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	42.400.034.698	39.651.342.977
	124.454.548.607	114.599.927.246

20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	649.574.137	1.043.831.269
Cổ tức, lợi nhuận được chia	940.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	168.038.193	303.031.616
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	6.965.083
	1.757.612.330	1.353.827.968

21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	219.103.300	507.189.562
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	411.228.426	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	224.279.487	379.228.047
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	27.559.251	1.687.967
	882.170.464	888.105.576

22 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	-	4.060.416
Chi phí nhân công	1.418.278.556	1.204.271.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	338.766.632	176.096.013
Chi phí khác bằng tiền	835.060.909	266.275.586
	2.592.106.097	1.650.703.533

23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	326.815.906	487.368.997
Chi phí nhân công	1.327.110.194	1.812.175.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.314.837.551	1.063.714.886
Thuế, phí, lệ phí	47.049.853	64.539.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	415.331.671	830.696.639
Chi phí khác bằng tiền	2.148.880.912	790.783.389
	5.580.026.087	5.049.279.422

24 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	176.270.548	120.357.695
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	530.928.281	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

707.198.829 **120.357.695**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(28.781.536)	(149.139.231)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(407.652.470)	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm

270.764.823 **(28.781.536)**

25 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	938.863.426	2.138.281.455
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	938.863.426	2.138.281.455
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.412.250	4.920.398
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	173	435



26 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	63.882.966.215	67.803.590.749
Chi phí nhân công	16.290.333.981	18.911.213.834
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.355.446.254	11.951.647.339
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.467.487.325	5.023.005.881
Chi phí khác bằng tiền	6.056.320.600	2.408.966.893
	104.052.554.375	106.098.424.696

27 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán		01/01/2014	
	31/12/2014		Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.880.002.460	-	21.442.381.162	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.234.440.143	-	20.419.853.270	(394.410.379)
Các khoản cho vay	-	-	300.000.000	-
Đầu tư dài hạn	122.329.200	-	122.329.200	-
	52.236.771.803	-	42.284.563.632	(394.410.379)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	9.218.181.955	7.436.277.409
Phải trả người bán, phải trả khác	11.197.963.105	11.575.737.514
Chi phí phải trả	-	245.575
	20.416.145.060	19.012.260.498

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.880.002.460	-	-	31.880.002.460
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.234.440.143	-	-	20.234.440.143
Đầu tư dài hạn	-	122.329.200	-	122.329.200
	52.114.442.603	122.329.200	-	52.236.771.803
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.442.381.162	-	-	21.442.381.162
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.025.442.891	-	-	20.025.442.891
Các khoản cho vay	300.000.000	-	-	300.000.000
Đầu tư dài hạn	-	122.329.200	-	122.329.200
	41.767.824.053	122.329.200	-	41.890.153.253



Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	7.418.181.955	1.800.000.000	-	9.218.181.955
Phải trả người bán, phải trả khác	11.197.963.105	-	-	11.197.963.105
	18.616.145.060	1.800.000.000	-	20.416.145.060
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	7.436.277.409	-	-	7.436.277.409
Phải trả người bán, phải trả khác	11.575.737.514	-	-	11.575.737.514
Chi phí phải trả	245.575	-	-	245.575
	19.012.260.498	-	-	19.012.260.498

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

29 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất và thương mại VND	Hoạt động dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	85.557.957.860	47.063.789.860	132.621.747.720
Chi phí bộ phận trực tiếp	82.054.513.909	42.400.034.698	124.454.548.607
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.503.443.951	4.663.755.162	8.167.199.113
Tài sản bộ phận trực tiếp	112.974.424.536	66.950.871.010	179.925.295.546
Tài sản không phân bổ	-	-	41.662.777.586

Tổng tài sản	112.974.424.536	66.950.871.010	221.588.073.132
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	14.418.171.020	6.204.360.897	20.622.531.917
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	3.338.426.643
Tổng nợ phải trả	14.418.171.020	6.204.360.897	23.960.958.560

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

30 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu		
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc Công ty liên kết	1.767.914.683	1.816.797.953
Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc Công ty liên kết	940.000.000	940.000.000
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	2.651.736.656	370.558.417
Mối quan hệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu tiền hàng		
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc Công ty liên kết	381.736.656	370.558.417
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc Công ty liên kết	470.000.000	-
Phải trả tiền vay		
Ông Hoàng Minh Anh Tài Phó Tổng Giám đốc	1.800.000.000	-
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:	758.362.000	860.461.000
	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập của Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	758.362.000	860.461.000



31 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Số liệu so sánh năm trước đã hợp cộng cả số liệu của Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hường Dương là công ty con của Công ty. Tuy nhiên trong năm, Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hường Dương đã giải thể, vì vậy đến thời điểm 31/12/2014 Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hường Dương không còn là công ty con và không được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm nay của Công ty. Mặt khác, trong năm Công ty cũng mua lại toàn bộ giá trị phần vốn góp từ đối tác trong Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt, vì vậy đến thời điểm 31/12/2014 Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt trở thành công ty con và được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm nay của Công ty. Do đó không thể so sánh số liệu năm nay với số liệu tương ứng của kỳ so sánh.



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập



Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

TP HCM, ngày 02 tháng 03 năm 2015

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2014	25.024.456.736	101.359.410.159	8.491.336.151	279.973.178	202.921.345	135.358.097.569
Mua sắm	32.727.273	1.098.472.000	-	449.879.083	-	1.581.078.356
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	231.582.378	-	-	-	-	231.582.378
Tăng khác	345.482.333	2.322.108.233	-	-	-	2.667.590.566
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.361.835.035)	-	-	-	(1.361.835.035)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	25.634.248.720	103.418.155.357	8.491.336.151	729.852.261	202.921.345	138.476.513.834
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2014	12.634.916.212	62.858.422.373	5.799.372.578	150.467.826	136.331.762	81.579.510.751
Trích khấu hao	1.522.307.585	6.048.848.518	446.689.864	137.083.461	14.269.778	8.169.199.206
Tăng khác	135.499.636	339.247.536	-	-	-	474.747.172
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.361.835.035)	-	-	-	(1.361.835.035)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	14.292.723.433	67.884.683.392	6.246.062.442	287.551.287	150.601.540	88.861.622.094
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2014	12.389.540.524	38.500.987.786	2.691.963.573	129.505.352	66.589.583	53.778.586.818
Tại ngày 31/12/2014	11.341.525.287	35.533.471.965	2.245.273.709	442.300.974	52.319.805	49.614.891.740
<i>Trong đó:</i>						
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			45.929.370.265	đồng		



- Trong năm 2014, Công ty mua lại toàn bộ giá trị phần vốn góp từ đối tác trong Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt, vì vậy đến thời điểm 31/12/2014 Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt trở thành công ty con của Công ty. Do đó, tăng khác là giá trị tài sản của Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt đã hợp cộng trong số liệu cuối năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2014	25.024.456.736	101.359.410.159	8.491.336.151	279.973.178	202.921.345	135.358.097.569
Mua sắm	32.727.273	1.098.472.000	-	449.879.083	-	1.581.078.356
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	231.582.378	-	-	-	-	231.582.378
Tăng khác	345.482.333	2.322.108.233	-	-	-	2.667.590.566
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.361.835.035)	-	-	-	(1.361.835.035)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	25.634.248.720	103.418.155.357	8.491.336.151	729.852.261	202.921.345	138.476.513.834
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2014	12.634.916.212	62.858.422.373	5.799.372.578	150.467.826	136.331.762	81.579.510.751
Trích khấu hao	1.522.307.585	6.048.848.518	446.689.864	137.083.461	14.269.778	8.169.199.206
Tăng khác	135.499.636	339.247.536	-	-	-	474.747.172
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.361.835.035)	-	-	-	(1.361.835.035)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	14.292.723.433	67.884.683.392	6.246.062.442	287.551.287	150.601.540	88.861.622.094
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2014	12.389.540.524	38.500.987.786	2.691.963.573	129.505.352	66.589.583	53.778.586.818
Tại ngày 31/12/2014	11.341.525.287	35.533.471.965	2.245.273.709	442.300.974	52.319.805	49.614.891.740

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 45.929.370.265 đồng
- Trong năm 2014, Công ty mua lại toàn bộ giá trị phần vốn góp từ đối tác trong Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt, vì vậy đến thời điểm 31/12/2014 Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt trở thành công ty con của Công ty. Do đó, tăng khác là giá trị tài sản của Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt đã hợp cộng trong số liệu cuối năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.



CTCP VĂN HÓA TÂN BÌNH
TP/HCM, ngày ... tháng 04 năm 2015
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Toàn văn Báo cáo tài chính Công ty mẹ và hợp nhất đã kiểm toán năm 2014 được đăng tải tại chuyên mục Quan hệ Cổ đông trên website của công ty <http://alta.com.vn/chart.php>

